

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM.

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.**

**GÓP PHẦN TÌM HIỂU
THẾ GIỚI QUAN CỦA SINH VIÊN**

**(Lý luận, thực trạng, một số giải pháp hình thành thế giới quan
khoa học trong sinh viên trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh).**

Mã số: CS 2002.23.25.

Cơ quan chủ quản : **Trường Đại học Sư Phạm TP.HCM.**

Chủ nhiệm đề tài: **CN. Nguyễn Thị Minh Hương.**

TP. HCM 3-2004

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
PHẦN MỞ ĐẦU	5
<i>1. Tầm quan trọng của vấn đề giáo dục thế giới quan khoa học cho sinh viên hiện nay. ...</i>	<i>5</i>
<i>2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài.</i>	<i>5</i>
<i>3. Mục đích của đề tài.</i>	<i>6</i>
<i>4. Nội dung nghiên cứu của đề tài.</i>	<i>6</i>
<i>5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.</i>	<i>7</i>
<i>6. Phương pháp nghiên cứu.</i>	<i>7</i>
<i>7. Kết cấu của đề tài:.....</i>	<i>7</i>
<i>8. Ý nghĩa của đề tài và địa chỉ ứng dụng.</i>	<i>8</i>
CHƯƠNG 2: THẾ GIỚI QUAN VÀ VAI TRÒ CỦA THẾ GIỚI QUAN KHOA HỌC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN CỦA SINH VIÊN.	9
<i>1.1. Lý luận chung về thế giới quan.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.1. Một vài cách tiếp cận vấn đề thế giới quan.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.2. Cấu trúc của thế giới quan.</i>	<i>11</i>
<i>2.1.3. Mối quan hệ của thế giới quan với triết học và khoa học:.....</i>	<i>14</i>
<i>1.2. Vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên.....</i>	<i>16</i>
<i>1.2.1. Thế giới quan khoa học.</i>	<i>16</i>
<i>1.2.2. Vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức của sinh viên.....</i>	<i>19</i>
<i>1.2.3. Vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động thực tiễn của sinh viên.....</i>	<i>21</i>

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ ĐỂ GÓP PHẦN HÌNH THÀNH THỂ GIỚI QUAN KHOA HỌC Ở SINH VIÊN.....24

2.1. Tìm hiểu thực trạng thể giới quan của sinh viên:.....24

2.1.1. Về đối tượng nghiên cứu.....24

2.2.2. Thực trạng thể giới quan của sinh viên trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
.....26

2.2. Những nguyên nhân cơ bản dẫn đến lệch lạc thể giới quan khoa học ở sinh viên. ...36

2.3. Một số giải pháp đề nghị để góp phần hình thành thể giới quan khoa học cho sinh viên.....39

2.3.1. Giải pháp công tác tư tưởng đối với sự hình thành và phát triển thể giới quan khoa học của sinh viên.39

2.3.2. Giải pháp giáo dục đối với sự hình thành và phát triển thể giới quan khoa học của sinh viên.41

2.3.3. Giải pháp tăng cường và đổi mới phương thức hoạt động trong các tổ chức của sinh viên.42

KẾT LUẬN.45

TÀI LIỆU THAM KHẢO47

Tài liệu tham khảo tiếng Việt.47

Tài liệu tham khảo tiếng Nga.48

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tầm quan trọng của vấn đề giáo dục thế giới quan khoa học cho sinh viên hiện nay.

Sinh viên là một bộ phận năng động, nhiệt tình và cố học thức nhất trong thanh niên, họ đóng vai trò hết sức quan trọng trong giai đoạn phát triển nền kinh tế tri thức, trong sự nghiệp đổi mới và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để phát huy hơn nữa những phẩm chất tốt đẹp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của sinh viên đối với xã hội, giáo dục một thế giới quan thực sự khoa học cho sinh viên là hết sức cần thiết

Nhận thức rõ sức mạnh của sinh viên trong sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và nhà nước ta nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác giáo dục cho sinh viên thế giới quan khoa học thông qua việc học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp.

Việc giảng dạy các bộ môn nêu trên đã có những tác động tích cực góp phần hình thành nên những người sinh viên mới xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước những mặt trái của nền kinh tế thị trường và của xu thế toàn cầu hóa, trước nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa và "diễn biến hòa bình", không ít sinh viên đã dao động. Vì vậy, xây dựng bảo vệ và vận dụng những quan điểm đúng, đắn đã được tiếp thu trong nhà trường Xã hội chủ nghĩa vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên đã trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Để thực hiện mục tiêu của Trường ĐHSP TPHCM, đào tạo thành công những người "kỹ sư tâm hồn" tương lai, những người truyền thụ lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa thông qua tri thức khoa học cho thế hệ trẻ sau này, chúng tôi mong muốn góp một phần nhỏ vào việc trang bị cho sinh viên thế giới quan khoa học thông qua việc nghiên cứu đề tài "Góp phần tìm hiểu thế giới quan của sinh viên" (Lý luận, thực trạng, một số giải pháp hình thành thế giới quan khoa học trong sinh viên trường ĐHSP TPHCM).

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài.

Thế giới quan cũng như vai trò của nó đối với hoạt động lý luận và thực tiễn của con người, được rất nhiều nhà tư tưởng và triết gia quan tâm, mà đặc biệt là giới nghiên cứu khoa học ở Liên Xô (cũ) với những tác phẩm đã xuất bản như: Buianop V. S., "Thế giới quan khoa

học", Moscow, 1987.; Ermolop A. IA., Vai trò của triết học trong sự hình thành thế giới quan, Moscow 1964; Oiderman T. I. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - cơ sở triết học của thế giới quan cộng sản, Kiep, 1977; Vacilenko V. L. "Thế giới quan khoa học và những vấn đề lý luận của nó trong chủ nghĩa xã hội", Moscow 1975 và "Vấn đề hình thành thế giới quan cộng sản chủ nghĩa", Minsk, 1975; Ovtrinicop V. S., "Thế giới quan là một hiện tượng của đời sống tinh thần xã hội", Leningrat 1978; Balsis A., "Thế giới quan trong cuộc sống xã hội và con người", Vinnhus, 1981; Alekciep P. V. "Khoa học và thế giới quan", Moscow, 1983...

Ở Việt Nam, vấn đề thế giới quan và vai trò của nó đã từng được xem xét bởi Trần Thuộc với luận án tiến sĩ triết học "Sự hình thành thế giới quan xã hội chủ nghĩa ở tầng lớp trí thức Việt Nam" hay trong luận án tiến sĩ triết học "Đặc điểm hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên miền Nam Việt Nam" của Nguyễn Minh Hoà v.v.

Tuy nhiên, tìm hiểu cụ thể về thế giới quan của sinh viên trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, thì chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu. Đề tài này là bước đầu thử nghiệm nhằm góp phần hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên. Đây là một vấn đề phức tạp và với một khoảng thời gian có hạn, đề tài chắc còn có mặt hạn chế, rất mong những ý kiến đóng góp gần xa để đề tài thực sự có tính khoa học và ứng dụng một cách hiệu quả trong thực tiễn.

3. Mục đích của đề tài.

Xác định một cách khách quan và chính xác thực trạng thế giới quan của sinh viên, một số quan điểm của sinh viên về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, về sự nghiệp đổi mới đất nước, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm cơ sở định hướng xây dựng một thế giới quan đúng đắn cho sinh viên phù hợp với tiêu chuẩn giáo dục con người mới xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhà nước ta đã đề ra.

4. Nội dung nghiên cứu của đề tài.

Nhận thức lý luận về thế giới quan khoa học và vai trò của nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên.

Thực trạng thế giới quan của sinh viên trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh và một số giải pháp góp phần hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Trong phạm vi xem xét của đề tài, chúng tôi chỉ lấy 200 phiếu thăm dò ý kiến của sinh viên 9 khoa thuộc các chuyên ngành khác nhau trong tổng số 18 khoa của trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Việc lựa chọn các khoa và sinh viên của các khoa đó dựa trên cơ sở làm cho số phiếu thăm dò cân đối giữa sinh viên thuộc các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ. Trong số 200 phiếu thăm dò thu được có 13 phiếu (chiếm 6,5%) bị loại, vì ở những phiếu này sinh viên chưa nghiêm túc khi trả lời các câu hỏi.

Ý kiến của sinh viên được nghiên cứu trong sự tác động qua lại với các yếu tố: kinh tế, văn hóa, chính trị- xã hội; trong môi trường xã hội, nhà trường và gia đình.

6. Phương pháp nghiên cứu.

Thống kê số liệu từ phiếu thăm dò ý kiến trong sinh viên.

Phân tích và tổng hợp thông tin từ lý luận chung về thế giới quan, cũng như từ số liệu tổng kết công tác Đoàn và phong trào sinh viên của Đoàn trường và Thành đoàn.

7. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài gồm hai chương chính.

Chương 1 đề cập đến cơ sở lý luận của thế giới quan và vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên.

Mục 1.1 giải quyết phần lý luận chung về thế giới quan. Mục 1.2 xem xét vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên, trong đó mục 1.2.1 tìm hiểu thế giới quan khoa học được hình thành như thế nào, mục 1.2.2 tìm hiểu vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức của sinh viên và mục 1.2.3 tìm hiểu vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động thực tiễn của sinh viên.

Chương 2 nghiên cứu thực trạng và một số giải pháp đề nghị để góp phần hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên.

Trong mục 2.1 đề tài đi vào tìm hiểu thực trạng thể giới quan của sinh viên trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Mục 2.2 xem xét những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những lệch lạc thể giới quan khoa học ở sinh viên và mục 2.3 đưa ra một số giải pháp đề nghị để góp phần hình thành thể giới quan khoa học cho sinh viên.

8. Ý nghĩa của đề tài và địa chỉ ứng dụng.

Ý nghĩa của đề tài là góp phần làm rõ lý luận chung về thể giới quan khoa học, định hướng hình thành cho sinh viên thể giới quan khoa học nhằm phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa phù hợp với tiêu chuẩn giáo dục - đào tạo con người mà Đảng và nhà nước ta đã đề ra.

Kết quả của đề tài dựa trên cơ sở tổng kết thực trạng thể giới quan của sinh viên để từ đó có thể đổi mới phần nào phương pháp giảng dạy những môn khoa học Mác - Lênin trong trường ĐHSPTPHCM, đồng thời dùng làm tài liệu tham khảo cho các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp khác.

CHƯƠNG 2: THẾ GIỚI QUAN VÀ VAI TRÒ CỦA THẾ GIỚI QUAN KHOA HỌC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN CỦA SINH VIÊN.

1.1. Lý luận chung về thế giới quan.

1.1.1. Một vài cách tiếp cận vấn đề thế giới quan.

Vấn đề thế giới quan được nhiều nhà tư tưởng, triết gia, nhiều tổ chức, đảng phái chính trị quan tâm nghiên cứu và hình thành nên nhiều nhóm quan điểm khác nhau như sau:

Nhóm thứ nhất xem xét thế giới quan trong mối quan hệ chặt chẽ với các quan điểm, các học thuyết triết học. Những nhà nghiên cứu thế giới quan ở Liên Xô cũ đi từ việc xem xét thế giới quan duy vật cổ đại, thế giới quan duy vật máy móc siêu hình, thế giới quan duy vật biện chứng, thế giới quan duy tâm khách quan, thế giới quan duy tâm chủ quan .v.v. để "nhấn mạnh vai trò của triết học trong sự hình thành thế giới quan" [28,15]. Từ đó, Oiderman T. I. khẳng định "chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử chính là cơ sở triết học của thế giới quan cộng sản" [33,5] và kết luận chỉ có triết học Mác - Lênin mới mang lại thế giới quan thực sự khoa học cho con người.

Nhóm thứ hai cho rằng nghiên cứu thế giới quan là đi vào xem xét lý luận và phương pháp luận của thế giới quan, cũng như nghiên cứu thế giới quan phản ánh hiện thực như thế nào. Vacilenko V. L. nghiên cứu thế giới quan khoa học và những vấn đề lý luận của nó trong chủ nghĩa xã hội. Ông muốn tìm ra quá trình hình thành thế giới quan cộng sản chủ nghĩa và vận dụng nó vào việc giáo dục con người. Còn Ovtrinicop V. S. xem "thế giới quan là một hiện tượng của đời sống tinh thần xã hội, nó phản ánh hiện thực xã hội"[35, 24]. Arsisepcki R. A. xem xét cụ thể bản chất, đặc trưng, sự phát triển của thế giới quan, từ đó rút ra vai trò của nó đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Nhóm thứ ba nghiên cứu thế giới quan trong mối quan hệ với những ngành khoa học khác. Ivanop V. G. tìm hiểu vật lý học và thế giới quan, Karpinskaia R. S. nghiên cứu sinh vật học và thế giới quan, Maptunusep I. V. xem xét thế giới quan và khoa học tự nhiên ...

Một số nhà nghiên cứu khác chỉ nhấn mạnh đến đối tượng và chức năng của thế giới quan như P. V. Alekciep cho rằng "đối tượng của thế giới quan là những gì chung nhất trong hệ thống "thế giới- con người" và "vấn đề cơ bản của thế giới quan là tổng thể của thế giới và vị trí của con người trong thế giới" [23, 24]. G. Meier đã đưa ra chức năng của thế giới quan "không chỉ là tri thức về vũ trụ, mà còn cả sự đánh giá, định hướng cuộc sống cũng như cách thức sống"[38, 271]...

Thậm chí một số nhà triết học tư sản đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy tâm, còn xem thế giới quan là sản phẩm của nhận thức thuần túy "thế giới quan là tổng hợp những kết quả của tư duy siêu hình và những kết quả của nghiên cứu khác, trong đó siêu hình học được hiểu là khoa học nghiên cứu hình thức nhận thức thế giới một cách thống nhất" [38, 271].

Tuy cách tiếp cận của vấn đề thế giới quan có khác nhau, nhưng thuật ngữ thế giới quan dù là tiếng Anh (world outlook), tiếng Nga (mirovozrenie), hay tiếng Pháp (conception du monde)... đều do gốc thế giới và quan niệm tạo thành. Cho nên, *có thể xem thế giới quan là toàn bộ những quan niệm chung nhất của con người về thế giới, về vị trí, về bản thân và cuộc sống của con người trong thế giới đó, về mối quan hệ của con người với thế giới, mà từ đó định hướng hoạt động của từng người, của một tập đoàn, một giai cấp hay cả xã hội đối với hiện thực.*

Thế giới quan là vấn đề phức tạp, nhưng nội dung của nó đều phản ánh: bản chất của thế giới, quy luật phát triển của xã hội, thế giới bên trong con người và mối quan hệ của con người với thế giới, trong đó bao hàm cả giá trị và định hướng. Các dạng thế giới quan khác nhau, thì phản ánh những nội dung trên khác nhau. Nội dung của thế giới quan có tính chất lịch sử cụ thể, cho nên những vấn đề của thế giới quan mang tính chất thời đại.

Dựa trên những vấn đề như vậy, các dạng thế giới quan khác nhau đều cố gắng giải thích khởi điểm và giới hạn của tồn tại, bản chất của các hiện tượng và những tiến trình, từ đó đi đến chỗ mở ra tính quy luật trong trật tự của tự nhiên và xã hội, xác định triển vọng phát triển của con người và xã hội loài người. Với một nội dung như vậy, thế giới quan gắn bó mật thiết với những vấn đề như ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa cuộc sống, cái chết và bất tử, thiện và ác, đúng và sai, trên cơ sở đó giải thích một cách rõ ràng hơn những khái niệm như tồn tại và hư vô, tự nhiên và siêu tự nhiên, giới hạn và vô cùng...

Sự cấu thành các dạng thể giới quan khác nhau đều có các hình thức lý luận của chúng được thể hiện bằng những quan điểm triết học, chính trị-xã hội, luật pháp, kinh tế, tôn giáo, vô thần, đạo đức, thẩm mỹ ... và những khái niệm nền tảng của khoa học tự nhiên cũng như của khoa học - kỹ thuật. Nhưng trong các quan điểm lý luận có một điều cần lưu ý rằng, không phải chỉ giới tự nhiên và tri thức lý luận, mà quan trọng là xã hội và đời sống xã hội đã tạo nên đặc trưng cơ bản của các loại thể giới quan khác nhau. Bởi vì, trước hết thể giới quan luôn là sự phản ánh thể giới trong mối liên hệ với những điều kiện xã hội, mà trong đó con người sống và hoạt động. Chính con người bằng hoạt động thực tiễn cải tạo thể giới xung quanh là cơ sở cho sự xác định cấu trúc chung của thể giới quan.

1.1.2. Cấu trúc của thể giới quan.

Cấu trúc thể giới quan có thể xem xét dưới những góc độ khác nhau.

Dưới góc độ quá trình nhận thức của con người thể giới quan được xem như là một hiện tượng tinh thần, là sự tiến triển trong nhận thức của con người về thể giới. Sự tiến triển này được chia thành ba cấp độ hay ba bậc thang cơ bản.

Bậc thang khởi điểm là nhận thức cảm tính về thể giới. Ở mức độ này, thể giới hình thành trong con người là thể giới cảm tính với những mặt riêng lẻ của nó được hình thành trên kinh nghiệm và nhận thức cá nhân như Mác - Ăngghen viết: "nhận thức ... điểm khởi đầu của nó chỉ là sự cảm nhận một cách cảm tính môi trường gần gũi chung quanh". Do đó, con người chỉ có quan niệm về một phần bức tranh của thể giới dựa trên trực quan sinh động của họ.

Bậc thang tiếp theo là nhận thức lý tính về thể giới hay là sự hiểu biết và giải thích thể giới được đặt trong tổng thể. Trực quan sinh động được thay bằng tư duy trừu tượng, ở giai đoạn này, con người có quan niệm về một bức tranh thể giới trọn vẹn trên cơ sở khái quát hóa, trừu tượng hóa cao.

Bậc thang cao nhất là sự tự nhận thức của cá nhân về thể giới. Ở đây, tính định hướng nhận thức của con người tác động đến hành vi của họ, mà thông qua đó có thể xác định: hệ thống giá trị, trình độ tư duy, thói quen trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của cá nhân. "Chính nhờ khả năng tự đánh giá-cho-phép cá nhân vượt qua giới hạn của hoàn cảnh, vượt qua những định kiến truyền thống lâu đời để nhìn nhận và đánh giá lại thể giới" [32, 270]. Sự phát

triển của nhận thức về thế giới ở đây gắn chặt với những quan hệ nhiều hướng, phức tạp và đan xen vào nhau của hiện thực, đồng thời cũng gắn chặt với những quan điểm chung nhất của con người về thế giới và vị trí của con người trong thế giới. Và mặc dù nhận thức của con người về thế giới đã mang tính chất khái quát, tư tưởng của con người về thế giới có tính tổng hợp, nhưng để tự nhận thức trở thành hạt nhân của thế giới quan và nằm trong tầng sâu của thế giới quan, thì quan điểm của con người cần phải được áp dụng vào thực tiễn và trở thành nguyên tắc để giải thích thế giới, tác động ngược lại thế giới.

Dưới góc độ thế giới quan cá nhân, cấu trúc thế giới quan bao gồm những yếu tố cơ bản như tri thức, niềm tin, quan niệm, mà cuối cùng được biểu hiện thông qua hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Trong đó:

Tri thức: là kết quả của hoạt động nhận thức, là mắt xích khởi điểm trong cấu trúc thế giới quan, là lĩnh vực hoạt động nghiên cứu nhằm mục đích tạo ra sự hiểu biết mới về tự nhiên, xã hội và tư duy. Đã là tri thức phải mang tính khoa học để thực hiện nhiệm vụ cơ bản là mở rộng tầm nhìn về thế giới cho con người. Nếu không có tri thức khoa học làm nền tảng, mỗi một người đều phải tự mày mò, tự tìm hiểu thế giới một cách biệt lập, thì con đường hình thành thế giới quan sẽ rất phức tạp và rối rắm. Tuy nhiên, để tri thức khoa học không phải là tư liệu chết đối với con người, thì nó phải được con người kiểm tra, tiếp thu và tin tưởng. Đó là quá trình tri thức kết hợp với niềm tin để trở thành quan điểm, lập trường của cá nhân con người.

Niềm tin: là hiện tượng đặc biệt của nhận thức, là chỗ dựa vững chắc của thế giới quan, nó tạo ra sức mạnh mãnh liệt và ý nghĩa cuộc sống lớn lao cho con người. Để tạo lập niềm tin cần có một lượng tri thức, kinh nghiệm và yếu tố cảm xúc lồng vào. Yếu tố này tạo ra sự tiên đoán bên trong và đặc trưng của mỗi con người. Ngoài ra, niềm tin còn là một phần đời sống tinh thần đóng vai trò cổ vũ to lớn cho con người trong lúc khó khăn. Niềm tin không bắt nguồn từ hư vô, ảo ảnh, mà phải bắt nguồn từ hiện thực, từ những quan điểm khoa học mới xây dựng được quan niệm đúng đắn về thế giới và tạo ra ý nghĩa tích cực cho cuộc sống.

Quan niệm: là cái đặc trưng của ý thức con người tạo nên cốt lõi của thế giới quan. Là hạt nhân tinh thần của cá nhân, con người không có quan niệm là con người đã đánh mất cái "tôi" của chính mình. Quan niệm của con người không tự nhiên mà có, nó được sản sinh và phát triển trong quá trình giao tiếp, học hỏi ở tự nhiên, ở xã hội loài người, ở sự nắm bắt những nét

đẹp văn hoá của toàn nhân loại, Quan niệm bám rễ rất chắc vào trong đời sống tâm tư, tình cảm của chúng ta. Tuy nhiên, nó không bất biến, khi xã hội có những bước ngoặt lịch sử, hệ thống tri thức của con người thay đổi, thì quan niệm cũng thay đổi theo. Và chỉ có những quan điểm đúng đắn phù hợp với hiện thực khách quan, mang lại hiệu quả thiết thực có khả năng phục vụ đời sống con người, mới tồn tại và phát triển được. Hướng tới tiến bộ xã hội là phải dũng cảm gạt bỏ những gì là phù hợp với quá khứ, nhưng không phù hợp trong hiện tại và không áp dụng được cho tương lai. Nếu con người bám mãi vào những quan niệm lỗi thời, thì sẽ làm nguy hại và gây trì trệ cho sự phát triển của nhân loại.

Đồng thời ở góc độ thế giới quan cá nhân, phải thấy được con người không phải là máy tính thu nạp và xử lý dữ liệu một cách thuần tuý, vô cảm, mà trong quá trình hình thành thế giới quan khoa học đòi hỏi có sự tham gia của cả yếu tố cảm xúc như "Không có cảm xúc của con người, thì xưa nay không có và không thể có sự tìm tòi chân lý"(V. I. Lênin). Do đó, mối quan hệ giữa tri thức, niềm tin và quan niệm phải được xem xét trong một chỉnh thể thống nhất. Quan niệm của con người chỉ được xây dựng vững chắc khi yếu tố trí tuệ và cảm xúc hòa quyện với nhau trong một khối thống nhất. Tri thức là cơ sở trực tiếp cho quá trình hình thành thế giới quan, song nó chỉ gia nhập vào thế giới quan khi con người hoàn toàn tin tưởng vào sự đúng đắn của các tri thức. Từ đó, quan niệm được củng cố và con người sẽ hướng mọi hoạt động của mình theo quan niệm ấy.

Như vậy, nếu con người chỉ có niềm tin mà thiếu tri thức hoặc ngược lại chỉ có tri thức mà thiếu niềm tin, thì thế giới quan của họ là tự phát, là chưa hoàn thiện. Họ chỉ cảm nhận được biểu hiện bề ngoài của các sự vật, hiện tượng diễn ra trong thế giới, nên rất dễ rơi vào thế giới quan tôn giáo hoặc duy tâm.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ thế giới quan của con người là hoàn thiện, khi có sự kết hợp thống nhất giữa tri thức và niềm tin. Chỉ có trong sự thống nhất cao như vậy mới tạo cho con người thế giới quan tự giác để họ có thể phát huy tối đa khả năng nhận thức và xây dựng chủ nghĩa xã hội, một xã hội của con người, cho con người và vì con người.

Ngoài việc chia thế giới quan theo hai góc độ nêu trên, các nhà nghiên cứu còn phân biệt ba dạng cơ bản khác nhau của thế giới quan: thế giới quan huyền thoại, thế giới quan tôn giáo và thế giới quan triết học. Thế giới quan huyền thoại là phương thức cảm nhận thế giới của

người nguyên thủy. Thế giới quan tôn giáo là quan niệm của các tôn giáo khác nhau về thế giới. Trong đó khi thể hiện quan điểm về thế giới, các yếu tố lý trí và tín ngưỡng, hiện thực và tưởng tượng, người và thần hòa quyện vào nhau. Trong thế giới quan tôn giáo, niềm tin tôn giáo đóng vai trò chủ yếu, tín ngưỡng cao hơn lý trí, cái thần vượt trội cái người. Còn thế giới quan triết học sẽ được xem xét cụ thể hơn trong phần mối quan hệ giữa thế giới quan và triết học.

2.1.3. Mối quan hệ của thế giới quan với triết học và khoa học:

Thế giới quan gắn chặt với những hình thức nhận thức khác nhau và đến lượt mình từ lúc mới ra đời các dạng nhận thức này cũng không tách rời thế giới quan. Trong sự gắn bó khăng khít như vậy, mối quan hệ đặc trưng nhất là quan hệ giữa thế giới quan và triết học.

Triết học cùng với sự ra đời của mình đã đóng vai trò cơ sở lý luận cho thế giới quan. Triết học và thế giới quan đều tìm cách trả lời các vấn đề về thế giới trong tổng thể của nó, về vị trí của con người trong thế giới, về sự nhận thức thế giới của con người, về quan hệ của con người với thế giới, nghiên cứu thế giới theo "trật tự vật chất hoặc tinh thần. Nhưng nội hàm của thế giới quan rộng hơn nội hàm của triết học "mọi triết học đều là thế giới quan, nhưng thế giới quan không nhất định là triết học" [34, 139]. Thế giới quan đôi khi hình thành tự phát và mang nặng tính chất cảm tính. Và con người có thể không có khái niệm triết học rõ ràng, nhưng phải có thế giới quan vì nếu không có thế giới quan tức là đã đánh mất cá nhân con người.

Sự hình thành thế giới quan luôn gắn bó chặt chẽ với triết học. Triết học diễn tả quan niệm của con người dưới dạng hệ thống các phạm trù, các quy luật đóng vai trò như những bậc thang trong quá trình nhận thức thế giới. Với ý nghĩa như vậy, triết học được coi là trình độ tự giác trong quá trình hình thành và phát triển của thế giới quan. Nếu thế giới quan được hình thành từ toàn bộ tri thức và kinh nghiệm sống của con người, trong đó tri thức của các khoa học cụ thể là cơ sở trực tiếp cho sự hình thành những quan niệm nhất định về từng mặt, từng bộ phận của thế giới, thì triết học với phương thức tư duy đặc thù đã tạo nên hệ thống lý luận bao gồm những quan niệm chung nhất về thế giới với tư cách là một chỉnh thể. Như vậy, triết học là hạt nhân lý luận của thế giới quan, triết học giữ vai trò định hướng cho quá trình hình thành và phát triển thế giới quan của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng trong lịch sử.

Khoa học là lĩnh vực hoạt động nghiên cứu nhằm mục đích sản xuất ra những tri thức mới về tự nhiên, xã hội và tư duy và bao gồm tất cả những điều kiện và những yếu tố của sự sản xuất này. Khoa học cổ chức năng giải thích thế giới và nhận thức nhằm mở rộng những quan điểm về thế giới. Đồng thời, đặc trưng cơ bản của khoa học là tính chân lý. Cho nên, khoa học trở thành cơ sở để phân biệt các dạng thế giới quan khác nhau.

Thế giới quan được gọi là khoa học khi tri thức khoa học đóng vai trò nền tảng trong hệ thống quan điểm về thế giới. Tri thức khoa học đòi hỏi sự sử dụng những khái niệm, những phạm trù và những lý luận khoa học phản ánh đúng hiện thực khách quan, phản ánh đúng quy luật vận động và phát triển của thế giới.

Thế giới quan phản khoa học là thế giới quan tôn giáo, đồng thời cũng có một phần thế giới quan huyền thoại. Tuy nhiên, thế giới quan huyền thoại thường được xem là thế giới quan trước khoa học vì khi thần thoại xuất hiện, khoa học chưa ra đời.

Thế giới quan không khoa học là những dạng thế giới quan có liên quan đến học thuyết triết học duy tâm khác nhau. Triết học duy tâm cũng là một dạng lý luận, nhưng không phải là lý luận khoa học. Ngoài ra, còn có những nhà triết học duy vật về vấn đề tự nhiên, những duy tâm về vấn đề xã hội và những nhà thực chứng thì phủ nhận hoàn toàn vai trò của triết học và thế giới quan trong sự phát triển của nhận thức khoa học và trong thực tiễn xã hội.

Như vậy, kết quả hay tri thức của những khoa học riêng lẻ là cơ sở để kiểm nghiệm và chứng minh tính đúng đắn hay sai lầm trong hệ thống quan điểm của con người về thế giới. Đồng thời, để phá vỡ bức tranh thế giới cũ xây dựng bức tranh mới về thế giới, những phát minh mới trong khoa học không thể thiếu triết học và nền tảng thế giới quan đúng đắn được.

Lập trường thế giới quan trong con người phụ thuộc rất nhiều vào tri thức xã hội được xác nhận bằng kinh nghiệm và được củng cố bằng tình cảm. Các yếu tố tâm lý xã hội như cảm xúc, ý chí, tâm trạng, thói quen và truyền thống xuất hiện trong tâm tư của một giai cấp, dân tộc, một nhóm người trong xã hội thường mang tính chất quần chúng rộng rãi và linh động nên dễ tác động tới quá trình hình thành thế giới quan của cá nhân. Những nhận thức đời thường hình thành trên kinh nghiệm hằng ngày của con người không chỉ có tính chất kinh nghiệm, mà còn bao hàm cả tính chất tổng hợp và logic, nhưng nó vẫn chưa thể trở thành một hệ thống tri thức khoa học, trong nó vẫn còn những quan điểm sai lầm, những tư tưởng lạc hậu, những ảo tưởng

và nhầm lẫn. Cho nên thế giới quan khoa học phải đi trước, đóng vai trò dẫn đường và rút ngắn khoảng cách giữa chân lý và nhận thức sai lầm.

Như vậy, nhận thức đúng đắn thế giới quan khoa học và hình thành cho thế hệ trẻ; đặc biệt là sinh viên (bộ mặt tiêu biểu của nền kinh tế tri thức) thế giới quan khoa học là nhiệm vụ cần thiết mà Đảng và nhà nước ta luôn quan tâm.

1.2. Vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên.

1.2.1. Thế giới quan khoa học.

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng là cơ sở của thế giới quan khoa học

Như đã trình bày ở trên, cách tiếp cận thế giới phong phú và đa dạng của con người đã dẫn đến sự hình thành nhiều loại thế giới quan khác nhau. Các loại thế giới quan trên có mối quan hệ gắn bó với nhau và không phải lúc nào cũng đều tác động tích cực đối với con người. Bởi vậy, để hạn chế mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực, thỏa mãn nhu cầu hiểu biết và cải tạo thế giới, bất thế giới phục vụ lợi ích của mình con người cần phải xây dựng thế giới quan khoa học.

Triết học là cơ sở lý luận của thế giới quan, nhưng không phải loại triết học nào cũng có thể tạo ra cho cá nhân một thế giới quan khoa học. C. Mác thời sinh viên đã "thú thực với bố rằng không có triết học, C. Mác không thể tiến lên được" [12, 30]. Từ đó, ông bắt đầu nghiên cứu thấu đáo kho tàng triết học của loài người để đưa ra cơ sở lý luận cho các công trình nghiên cứu khoa học và cả những quan điểm của mình. Cuối cùng, C. Mác đã xây dựng thành công chủ nghĩa duy vật biện chứng - cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học. Sau này, chính Lê Nin đã kế thừa, phát triển và áp dụng triết học Mác vào thực tiễn nước Nga một cách xuất sắc. Giây phút mà lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê nin cũng chính là lúc Bác tìm ra con đường cứu nước và Người đã định hướng cho chúng ta: "bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê Nin" [13, 268].

Chủ nghĩa duy vật biện chứng thể hiện rõ ràng tính khoa học trong nhận thức về thế giới. Nó phản ánh cuộc sống trong quá trình phát triển, đồng thời mở ra những quy luật vận động khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Hơn nữa, chủ nghĩa duy vật biện chứng không chỉ là

những tri thức khoa học về thế giới tự nhiên, mà còn là chìa khóa để khám phá tự nhiên, tạo ra những phát minh mới cho các khoa học khác nhau. Và với phương pháp tư duy biện chứng duy vật nhà nghiên cứu thấy được đối tượng trong mối liên hệ qua lại giữa các mặt của chúng hoặc giữa chúng với các đối tượng khác một cách trọn vẹn, cũng như thấy đối tượng trong sự tác động của những quy luật khách quan chung nhất. Do vậy, có thể đồng ý với khẳng định của Aphanaxiep: "thế giới quan khoa học được hình thành trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin như một hệ thống hoàn chỉnh các quan điểm triết học, kinh tế và chính trị-xã hội. Như vậy, nắm vững được thế giới quan khoa học có nghĩa là nắm vững được những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, học được cách vận dụng sáng tạo những luận điểm này vào trong công việc trực tiếp và thực tế"[21, 228].

Chủ nghĩa duy vật biện chứng bắt nguồn và phản ánh thực tiễn, nó làm sáng tỏ sự thống nhất và toàn vẹn của thế giới. Trong sự thống nhất và toàn vẹn đó các sự vật, hiện tượng không phải tồn tại một cách cô lập, biệt lập mà liên hệ tác động lẫn nhau, chính những mối liên hệ là thành tố cần thiết của tính chỉnh thể cho mọi cái hiện hữu. Chủ nghĩa duy vật biện chứng không chỉ xem xét thế giới trong một chỉnh thể thống nhất, trong mối liên hệ phổ biến mà bản thân nó cũng chính là một thể thống nhất bao gồm các yếu tố, các bộ phận gắn bó chặt chẽ với nhau. Tính trọn vẹn của chủ nghĩa duy vật biện chứng không có nghĩa là mọi mặt của nó không phát triển trong các giai đoạn lịch sử, mà ngược lại, chúng phụ thuộc vào điều kiện kinh tế- xã hội, biến đổi khi đời sống xã hội có những thay đổi nhất định.

Quan điểm thống nhất và toàn diện của thế giới quan không chỉ trở thành nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, mà còn là nền tảng cơ bản trong mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Martunutrep rất sâu sắc khi cho rằng "thế giới quan của con người chỉ còn là nhận thức đời thường, nếu tước đi của họ những tri thức khoa học. Thế giới quan của con người chỉ còn là những quan điểm thực dụng, nếu tước đi của họ những lý tưởng cao đẹp. Còn tước đi của con người những quan điểm chính trị, họ sẽ trở thành kẻ tiểu nhân, hẹp hòi. Vì vậy, chỉ cần thiếu một trong những thành phần cơ bản của thế giới quan, cấu trúc của nó sẽ bị thay đổi. Điều này đánh dấu sự quan trọng của nguyên tắc toàn diện trong thế giới quan khoa học" [31, 194-195].

Chủ nghĩa duy vật biện chứng phù hợp với nguyên tắc toàn diện của thế giới quan khoa học, vì nó xem xét thế giới trong tổng thể thống nhất, trong những mối liên hệ phổ biến, đa dạng và phức tạp, đồng thời còn thống nhất trong bản thân mình những quan điểm kinh tế, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ, vô thần tiên bộ và những kết luận khoa học của thời đại, nên đã trở thành hạt nhân lý luận cơ bản của thế giới quan khoa học.

Thế giới quan khoa học không chỉ là sự phản ánh tính quy luật khách quan của tự nhiên và xã hội, mà nó còn là nền tảng lý luận cơ bản để giải thích và cải tạo thực tiễn. Với lời tuyên bố: "Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới "[4, 12] học thuyết của Mác được xem là có sự thống nhất cao giữa tính cách mạng và tính khoa học. Sự thống nhất không phải vì bản thân người sáng lập ra nó là nhà khoa học và cách mạng, mà sự thống nhất nằm ngay trong chính bản thân của học thuyết. Sự thống nhất không chỉ biểu hiện ở chỗ học thuyết Mác mở ra những quy luật phát triển của lịch sử và đưa ra chìa khóa giải thích các tiến trình của xã hội hiện đại, mà còn mang một sức mạnh dự báo to lớn là xã hội sẽ được xây dựng trên nền tảng của lý luận có cơ sở khoa học, từ đó thúc đẩy sự phát triển tiên bộ của xã hội. Và xã hội tiên bộ mà Mác - Ăng ghen dự đoán chính là xã hội cộng sản chủ nghĩa.

b. Thế giới quan khoa học là thế giới quan cộng sản chủ nghĩa.

Các nhà nghiên cứu ở Liên Xô cũ cho rằng "thế giới quan khoa học, thế giới quan vô sản, thế giới quan xã hội chủ nghĩa và thế giới quan cộng sản chủ nghĩa là đồng nhất với nhau" [27, 66], ở chỗ chúng là thế giới quan duy vật biện chứng của giai cấp vô sản thể hiện được lợi ích của giai cấp vô sản chống lại thế giới quan của giai cấp tư sản và những tầng lớp bóc lột khác trong xã hội. Chủ nghĩa cộng sản đỉnh cao của thế giới quan khoa học được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin không đi cùng với những nhận thức sai lầm, hư ảo, những phán đoán tiên nghiệm về hiện thực, mà được xây dựng trên một hệ thống những quan điểm khoa học về thế giới, gắn chặt với cuộc sống và với sự tiến bộ của xã hội loài người.

Thế giới quan khoa học là thế giới quan cộng sản chủ nghĩa, vì nó ra đời thông qua những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống áp bức, bóc lột và bất công. Ý nghĩa tiên bộ và nhân đạo của nó gắn liền với mô hình về xã hội tương lai cho con người. Ở đó là công bằng, là cá nhân phát triển trọn vẹn, là mối quan hệ hợp lý giữa người với người, là

phẩm hạnh, là cái đẹp, là khả năng thực hiện trọn vẹn lợi ích của loài người. Ở đó, "sự phát triển của hệ thống kinh tế kỹ thuật không phải được quyết định bởi những mục đích kinh tế, mà bởi những mục đích nhân đạo chủ nghĩa; sự phong phú của đời sống con người được đo bằng sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân; bản chất tập thể chủ nghĩa của những quan hệ xã hội quyết định phương thức "tái sản xuất" và thỏa mãn những nhu cầu chân chính của bản thân con người"[11, 204].

Trong thực tiễn, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa một phần thể hiện ở việc xoá bỏ tình trạng người bóc lột người, xoá bỏ ách thống trị giai cấp, thống trị dân tộc, khẳng định sự sở hữu cộng đồng về tư liệu sản xuất do xã hội làm ra thông qua hoạt động thực tiễn đấu tranh vì tiến bộ xã hội, vì giá trị nhân đạo cho con người, phần còn lại thể hiện khả năng có thể biến lý tưởng thành hiện thực trong chủ nghĩa cộng sản tương lai, khẳng định chủ nghĩa cộng sản trên toàn cầu, mà cuộc đấu tranh để biến điều này thành hiện thực phải bắt đầu từ hôm nay. Bởi vậy, giáo dục cho sinh viên lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cũng tương đương với việc giúp họ hình thành thế giới quan khoa học. Đồng thời sự hình thành những quan điểm đúng đắn về thế giới ở sinh viên cũng góp phần tạo nên lý tưởng cao đẹp cho họ. Do đó cần tránh sự thái quá, hoặc là kéo lý tưởng xuống sát mặt đất, đặt ra vô số những kế hoạch cụ thể để thực hiện lý tưởng, hoặc là mang lý tưởng đặt ở tương lai xa làm cho sinh viên cảm tưởng sẽ không bao giờ đạt tới được.

Trình độ phát triển của thế giới quan là tiêu chí đánh giá sự trưởng thành của cá nhân cũng như của một cộng đồng xã hội nhất định. Do đó không thể phủ nhận vai trò quan trọng của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên.

1.2.2. Vai trò của thế giới quan khoa học đối với hoạt động nhận thức của sinh viên.

Nhiệm vụ hàng đầu của sinh viên là tiếp thu và làm chủ tri thức khoa học, trong đó những yếu tố tâm sinh lý lứa tuổi tạo cho họ rất nhiều thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ này.

Giai đoạn sinh viên của đời người thường bắt đầu từ 17 - 18 tuổi và kết thúc vào lúc 23-24 tuổi. Giai đoạn này cơ thể đạt được sự hoàn chỉnh về cấu trúc và các chức năng phối hợp tương đối đồng đều. Điều đặc biệt quan trọng là hoạt động thần kinh cao cấp đã đạt đến mức trưởng thành "một tế bào thần kinh có thể nhận tin từ 1200 nơ ron trước và gửi đi 1200 nơ ron sau, bảo đảm một sự liên lạc vô cùng rộng, chi tiết và tinh tế giữa vô số kênh vào và vô số kênh ra làm cho trí tuệ của sinh viên vượt xa trí tuệ của học sinh, ước tính có tới 2/3 số kiến thức của

đòi người được học trong thời gian này" [3, 89]. Khả năng tiếp thu khối lượng tri thức lớn đánh dấu sự khác biệt giữa sinh viên và học sinh, nếu như ở trường phổ thông, nhận thức lý tính của người học chủ yếu là ở việc tích lũy tri thức, học thuộc khái niệm khoa học, thì vào đại học, sinh viên đã nâng cao rất nhiều năng lực trí tuệ, mà biểu hiện rõ rệt bằng việc quan sát sự vật - hiện tượng một cách hào hứng, nghiêm túc và tỉ mỉ hơn dẫn đến khả năng tư duy sâu rộng hơn, giải quyết được những vấn đề khoa học phức tạp hơn, lập luận logic ngày càng rành mạch, liên kết được những khái niệm và những phán đoán chặt chẽ hơn dựa trên trí tưởng tượng phong phú, nhu cầu học tập và ham hiểu biết ngày càng phát triển.

Tất cả những yếu tố trên giúp cho sinh viên nắm bắt tốt hơn tri thức khoa học của một số môn học riêng lẻ, cũng như đi sâu vào tri thức chuyên ngành. Tuy nhiên, nhiệm vụ của sinh viên không chỉ nắm vững chuyên môn, mà còn phải có cách nhìn nhận thế giới trong tổng thể của nó. Tức là phải có một thế giới quan duy vật biện chứng làm nền tảng phương pháp luận cho sinh viên trong quá trình tiếp thu tri thức. Tri thức của từng môn khoa học cụ thể chỉ giúp sinh viên xây dựng cho mình quan điểm về từng mặt, từng bộ phận của thế giới, còn thế giới quan duy vật biện chứng sẽ giúp sinh viên hiểu được vị trí của từng khoa học cụ thể trong tổng thể của nó. Tri thức và những khái niệm khoa học được tiếp thu đã có sự liên kết với nhau chặt chẽ, những phán đoán và lập luận logic ngày càng rành mạch, các bài tập được giải quyết linh hoạt và dễ dàng hơn, học tập có phương pháp khoa học đã kích thích nhu cầu tiếp thu tri thức ở sinh viên. Mỗi liên hệ hỗ trợ mật thiết của chủ nghĩa duy vật biện chứng với các khoa học chuyên ngành tạo cho sinh viên một hệ thống các quan điểm khoa học về thế giới. Từ đó giúp sinh viên có thể nhận thức thế giới muôn hình, muôn vẻ trong một tổng thể thống nhất, hiểu được tính quy luật của thế giới, rèn luyện tư duy biện chứng, chống chủ nghĩa chủ quan và phương pháp tư duy siêu hình, gạt bỏ được những sai lầm và những tín hiệu phản khoa học trên con đường đi tới chân lý.

Hơn nữa, thực hiện đổi mới giáo dục theo phương châm "dạy học là kích thích tư duy sáng tạo" đòi hỏi phải có sự độc lập và tự giác nghiên cứu của sinh viên. Điều này lại cần tới sự định hướng của một thế giới quan giới đúng đắn. Vì vậy, thế giới quan khoa học đóng vai trò định hướng cho hoạt động nhận thức của sinh viên. Trong lịch sử của những phát minh khoa học đã xảy ra việc "A. Anhxtanh đã phát minh ra thuyết tương đối nhờ có thế giới quan khoa học tiên bộ, còn A. Puankar theo quan điểm triết học của chủ nghĩa thỏa hiệp dẫn tới sự hạn

hợp về thể giới quan, cho nên nhà khoa học thiên tài của Pháp này dù tìm được thuyết tương đối trước A. Anhxtanh nhưng đã không tin vào chân lý của thuyết đó và không theo đuổi nó đến cùng"[27, 16].

Như vậy, thể giới quan khoa học không đủ giúp sinh viên nhận thức thể giới trong tổng thể thống nhất, mà còn tạo cho sinh viên phẩm chất và các năng lực cần thiết để nghiên cứu khoa học và sáng tạo trong hoạt động nhận thức:

1.2.3. Vai trò của thể giới quan khoa học đối với hoạt động thực tiễn của sinh viên.

Ngoài việc phát triển về trí não, lứa tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất về tình cảm, đạo đức và thẩm mỹ, là giai đoạn hình thành và ổn định tính cách, đặc biệt là họ bắt đầu thực hiện vai trò xã hội của người lớn (quyền công dân, quyền xây dựng gia đình.v.v.). Sinh viên phải nắm vững nghề nghiệp và bắt đầu thể nghiệm mình trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Do đó, thể giới quan khoa học đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động thực tiễn của sinh viên ở một số mặt cơ bản sau:

Thứ nhất, thể giới quan khoa học là kim chỉ nam dẫn đường cho tự ý thức phát triển. Ở tuổi sinh viên khả năng tự ý thức bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Tự ý thức đã giúp cho sinh viên điều chỉnh nhận thức và thái độ đối với bản thân và với thế giới xung quanh. Trong quá trình tự ý thức sinh viên nâng cao khả năng tự quan sát, tự kiểm tra, tự đánh giá ... Về tư tưởng, tình cảm, đạo đức, tác phong, hành vi của bản thân. Và chính thể giới quan khoa học tạo điều kiện sinh viên phát triển và hoàn thiện nhân cách của bản thân, hướng nhân cách theo các yêu cầu của xã hội. Đồng thời, sinh viên là tuổi khao khát được thể hiện chứng tỏ giá trị của bản thân. Họ thường xem xét chất vấn trở lại các giá trị đã được xây dựng trước đây và hướng vào các giá trị mới cho sự phát triển nhân cách, Đây là thời kỳ có nhiều biến đổi mạnh mẽ về động cơ của hành vi, về giá trị xã hội. Thể giới quan khoa học trở thành nền tảng giúp sinh viên xây dựng giá trị mới phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội. Nhờ đó, họ đánh giá đúng đắn các sự kiện bao quanh con người, hiểu được vị trí và giá trị của mình trong cuộc sống, tìm được cách giải quyết các công việc xã hội, cũng như các mối quan hệ có hiệu quả và thích hợp. Từ đó, niềm tin của sinh viên vào khả năng cống hiến cho xã hội tăng lên, cá tính riêng của họ không bị hoà tan mà phát triển song song với sự phát triển của tập thể.

Thứ hai, sinh viên bắt đầu tự lập, tách dần ra khỏi sự bảo trợ của gia đình. Việc lập kế hoạch hoạt động cho bản thân trong hiện tại và tương lai là cần thiết.

Với sự trợ giúp của thế giới quan khoa học, sinh viên nắm được các quy luật vận động trong đời sống con người để tổ chức cách thức sinh hoạt văn minh, lối sống khoa học và làm việc có hiệu quả. Đồng thời, nắm được quy luật vận động của lĩnh vực cơ bản nhất của xã hội - lĩnh vực sản xuất vật chất, sinh viên sẽ làm quen với tổ chức đời sống kinh tế và có ý chí tự lập làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.

Thứ ba, thế giới quan khoa học giúp sinh viên ổn định về mặt tâm lý, bởi vì sinh viên là lứa tuổi có cảm xúc mạnh mẽ, sống lạc quan, sôi nổi, nhưng lại chưa dày dặn kinh nghiệm và hay có phản ứng tiêu cực, hành vi bột phát thiếu suy nghĩ, hoặc bị quan chán chường khi thất bại hay khi không được đối xử đúng mức, nhiều khi dẫn đến những hàng động mang lại hậu quả đáng tiếc cho bản thân, gia đình và xã hội. Những lúc như vậy, thế giới quan khoa học là người bạn duy lý giúp sinh viên kiềm chế nóng giận, bình tĩnh khắc phục khó khăn, từ thất bại rút ra cho bản thân những bài học kinh nghiệm để phấn đấu vươn lên sống lạc quan, sôi nổi, biết kiềm chế những hành vi bột phát, tiêu cực, biết trau dồi nhân cách, không dao động trước sự cám dỗ của đời sống vật chất tầm thường, sống lạc quan, có ý chí và nghị lực.

Thứ tư, thế giới quan khoa học hướng nghiệp và giúp sinh viên hoàn thành trách nhiệm của mình với xã hội tốt hơn. Bởi vì, lứa tuổi sinh viên là tuổi xông xáo, mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, muốn tự khẳng định vai trò và trách nhiệm của mình đối với xã hội. Sinh viên (nhất là những sinh viên ở ký túc xá hoặc sống xa nhà) ở thời kỳ chuyển tiếp ngày càng mở rộng tầm nhìn của bản thân. Họ ngày càng hiểu biết hơn về môi trường xã hội rộng lớn và ngày càng cố gắng có tác phong đĩnh đạc, ứng xử đúng mức để được xã hội công nhận. Đôi khi sự thừa nhận hay bác bỏ của xã hội đối với quan điểm hoặc hành vi ứng xử của sinh viên có thể làm thay đổi hướng đi trong cuộc đời của họ. Do đó, nói đến mặt xã hội của sinh viên một cách cụ thể cũng chính là nói đến kế hoạch đường đời và sự xác định nghề nghiệp của họ. Chính vì vậy, thế giới quan khoa học đúng đắn hơn bao giờ hết sẽ giúp cho sinh viên chọn được hướng đi tương lai cho cuộc đời mình. Về vấn đề này, trong bài luận tốt nghiệp trung học, C. Mác đã để lại cho thế hệ trẻ tương lai những dòng nhấn nhủ quý báu. Ông viết: "không phải bao giờ cũng có thể chọn một nghề mà chúng ta mong muốn; các quan hệ của chúng ta trong xã hội đến một chừng mực

nào đó đã bắt đầu được xác định ngay từ trước khi chúng ta có thể có tác dụng quyết định đối với quan hệ đó" và thế giới quan khoa học của Mác đã cho phép ông xác định đúng đắn lý tưởng của mình "chọn một nghề mà qua đó ta có thể cống hiến nhiều nhất cho nhân loại, thì ta sẽ không cảm thấy gánh nặng của nghề ấy, bởi vì đó chính là sự hy sinh vì mọi người" [12, 17-18].

Thứ năm, thế giới quan khoa học làm nảy nở lý tưởng cao đẹp trong tư duy và tình cảm của sinh viên. Đó là lý tưởng về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, mà C. Mác và những người vô sản chân chính khác đã dâng hết sức lực đời mình để xây dựng và bảo vệ. Khi hiểu và sẵn sàng bảo vệ lý tưởng cao đẹp, sinh viên sẽ tự cố gắng trau dồi nhân cách, không dao động trước sự cám dỗ của đời sống vật chất tầm thường, biết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và suy đồi đạo đức. Sẵn sàng tham gia hoạt động nghề nghiệp và hoạt động xã hội với ý thức trách nhiệm cao, với lòng yêu nước, lao động giỏi, có nhân cách, phẩm chất, thật thà, trung thực, biết sống vì mọi người.

Thứ sáu, trước nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa và "diễn biến hòa bình" thế giới quan khoa học sẽ tạo cho sinh viên có một lập trường giai cấp vững vàng, có nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, luôn giữ vững ý chí, nghị lực và niềm tin vào tương lai của chủ nghĩa cộng sản, giữ vững lập trường quan điểm và đấu tranh chống lại sự lôi kéo của bọn phản động nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và trên thế giới, không bị những tư tưởng phản động, phi khoa học làm lệch lạc và không bị những kẻ cơ hội chính trị lợi dụng. Đồng thời, được trang bị đầy đủ thế giới quan khoa học, sinh viên sẽ biết cách đấu tranh để bảo vệ lý tưởng của giai cấp vô sản, bảo vệ ý nghĩa cuộc sống con người.

Như vậy, thế giới quan khoa học dẫn đường cho sinh viên giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn luôn nảy sinh trong hoạt động nhận thức và thực tiễn. Nó tạo cho sinh viên một niềm tin vững chắc để bảo vệ và xây dựng tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa càng giàu đẹp hơn, theo đúng đường lối cách mạng mà Đảng ta đã đề ra.

Chính vì thế giới quan khoa học đóng vai trò quyết định đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên, cho nên cần phải nghiên cứu khách quan thực trạng thế giới quan của sinh viên hiện nay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ ĐỂ GÓP PHẦN HÌNH THÀNH THỂ GIỚI QUAN KHOA HỌC Ở SINH VIÊN.

2.1. Tìm hiểu thực trạng thể giới quan của sinh viên:

2.1.1. Về đối tượng nghiên cứu.

Việc tìm hiểu thực trạng thể giới quan của sinh viên trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh được thực hiện thông qua phiếu thăm dò ý kiến với tính thân công khai, cởi mở, không lưu giữ lại số liệu cá nhân để đạt được tính khách quan cao nhất. Và thật khó tổng kết số liệu nếu như lấy ý kiến của tất cả hơn 4000 sinh viên của trường. Trong phạm vi xem xét của đề tài, chúng tôi chỉ lấy 200 phiếu thăm dò ý kiến của sinh viên 9 khoa thuộc các chuyên ngành khác nhau trong tổng số 18 khoa của trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Việc lựa chọn các khoa và sinh viên của các khoa đó dựa trên cơ sở làm cho số phiếu thăm dò cân đối giữa sinh viên thuộc các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ, còn do đặc trưng của trường sư phạm nên tỉ lệ giữa nam và nữ không thể cân đối được.

Trong số 200 phiếu thăm dò thu được có 13 phiếu (chiếm 6,5%) bị loại, vì ở những phiếu này sinh viên chưa nghiêm túc khi trả lời các câu hỏi thể hiện ở chỗ hoặc là sinh viên đánh dấu vào tất cả các ô, hoặc là bỏ trống tất cả các ô, thể hiện ở mâu thuẫn như sinh viên vừa cho rằng mình có thời gian, có tài liệu, nghe giảng thì hiểu bài và vận dụng được lý luận của các môn khoa học Mác - Lênin vào cuộc sống, đồng thời cũng vừa khẳng định đối với những môn khoa học Mác - Lênin chỉ học thuộc lòng để trả thi cho xong ...

Xem xét một vài số liệu về đối tượng nghiên cứu một cách khái quát nhất được thể hiện ở bảng sau:

Sinh viên khoa	GDCT	TLGD	Địa	Sinh	Văn	Hóa	Lý	Nga văn	Anh văn	Tổng số
Số lượng	20	28	10	22	20	10	32	10	35	187
Nam	10	7	0	7	6	1	220	3	12	68
Sinh viên năm	IV	IV	IV	III	III	IV	III	IV	IV	
Thích nghề GV	5	11	6	11	10	4	18	4	19	88
Sinh viên yêu cầu hỗ trợ về:										
Học tập	13	16	8	4	10	5	14	3	20	103
Kinh tế	8	10	5	18	11	3	19	4	12	90
Nghiên cứu KH	9	6	7	15	12	3	15	3	13	83
Tim việc làm	9	7	5	17	18	4	10	5	14	79
Tinh thần	5	5	3	12	4	3	3	3	5	43
Hoạt động XH	3	3	1	8	2	1	3	1	3	25

Bảng 1

Sau khi loại bỏ một số phiếu thăm dò ý kiến không hợp lệ, xuất phát từ 187 phiếu thể hiện một số kết quả nhận xét chung về sinh viên như sau:

Thứ nhất, 187 sinh viên của 9 khoa khác nhau đều đang ở độ tuổi có khả năng tiếp thu tri thức tốt nhất và cũng là thời kỳ định hình một thế giới quan mạnh mẽ.

Thứ hai, do tính đặc thù của nội dung đề tài, phiếu thăm dò chỉ được thực hiện ở các sinh viên đang học năm thứ III và IV, với lý do những sinh viên này đã học qua các môn khoa học Mác — Lênin như Triết học, Kinh tế - chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Những môn học góp phần quan trọng trong quá trình hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên.

Thứ ba, có một thực tế cần chú ý là trong số 187 sinh viên thì chỉ có 88 sinh viên thích nghề giáo, tức chỉ chiếm 47,05% sinh viên yêu thích nghề nghiệp tương lai của mình. Đây là một câu hỏi lớn, là sự trăn trở cho ngành giáo dục của chúng ta. Nếu xét riêng khoa GDCT, chỉ có 25% xác định yêu thích và muốn, trở thành thầy cô giảng dạy các bộ môn Mác - Lênin. Điều này cho thấy sự khó khăn trong việc làm cho sinh viên yêu thích các bộ môn khoa học "Mác - Lênin, cũng như vị trí vai trò của môn GDCD ở các trường phổ thông chưa được đánh giá đúng mức.

Thứ tư, có thể nhận thấy trong quá trình học tập và sinh hoạt ở trường, sinh viên còn gặp khó khăn ở nhiều lĩnh vực. Sự khó khăn này là một cản trở lớn trong quá trình hình thành thế giới quan khoa học ở sinh viên. Số lượng sinh viên gặp khó khăn và yêu cầu được trợ giúp ở các khóa, các lĩnh vực khác nhau là khác nhau. Sinh viên năm thứ III yêu cầu được giúp đỡ về kinh tế chiếm 61,9%, về học tập chiếm 36,9%, trong khi đó với sinh viên năm thứ IV yêu cầu giúp đỡ về kinh tế là 36,89% và về học tập là 60,19%. Điều này thể hiện gánh nặng học tập đối với sinh viên cuối khóa, họ thường cảm thấy bị quá tải hay bị nhồi nhét kiến thức. Khái quát chung sinh viên yêu cầu hỗ trợ học tập vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất 55,08% và cũng gần phân nửa sinh viên 44,38% quan tâm đến nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, trong số 187 phiếu thăm dò chỉ có 25 sinh viên (chiếm 13,36%) yêu cầu trợ giúp tham gia các hoạt động xã hội. Điều này không có nghĩa là hoạt động xã hội đối với sinh viên là dễ dàng, mà con số 13,36%, là sự thể hiện sinh viên và các phong trào hoạt động xã hội chưa kết hợp chặt chẽ với nhau.

Từ những nét phác họa chung về sinh viên có thể đi sâu vào xem xét thực trạng thế giới quan của sinh viên.

2.2.2. Thực trạng thế giới quan của sinh viên trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu đối tượng một cách tổng quát, xác định thực trạng thế giới quan của sinh viên được thể hiện qua những phương diện cơ bản sau:

- ↳ Xác định quan điểm chung nhất của sinh viên về thế giới là duy vật hay duy tâm.
- ↳ Xác định phương pháp tư duy của sinh viên là biện chứng hay siêu hình.
- ↳ Xem xét những kết quả chung về khả năng tự đánh giá của sinh viên đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Có một điều rất thuận lợi là tất cả sinh viên tham gia trả lời phiếu thăm dò đều đã học xong môn triết học Mác - Lênin, môn học đóng vai trò hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học, do đó triết học Mác - Lênin sẽ là tiêu chuẩn xác định, đánh giá thế giới quan của sinh viên. Thống kê quan niệm của sinh viên về thế giới thu được kết quả sau:

	Vấn đề	Tổng số	Tỷ lệ
1	Chỉ có thế giới trần gian và con người chết đi là trở về với đất	145	77,54%
2	Thế giới do vật chất tự tổ chức tạo thành	139	74,33%
3	Con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội	123	65,77%
4	Có Thiên đường và Địa ngục	31	16,57%
5	Linh hồn bất tử và luân hồi theo nghiệp báo	37	19,78%
6	Thế giới do lực lượng siêu nhiên hay thần linh nào đó tạo ra	39	20,85%

Bảng 2

Theo số liệu mục 1 và 2 cho thấy có đến gần 80% sinh viên đã xác định được thế giới của chúng ta là thế giới vật chất, vật chất là cái quyết định và mang tính thứ nhất. Số lượng sinh viên xem con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội, tức là con người cũng bị tồn tại xã hội quyết định chiếm tỉ lệ cũng khá cao 65,77%. Những con số thống kê đó nói lên rằng, số đông sinh viên đã có một quan điểm duy vật khá rõ ràng, ít nhất là về mặt nhận thức lý luận. Và chính những quan điểm khởi đầu đúng đắn đã ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành thế giới quan khoa học, đến hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên.

Tuy nhiên, nếu nhìn đến những con số ở bảng 2 mục 4, 5 và 6 lại thấy gần 20% sinh viên có quan điểm duy tâm về thế giới, hơn nữa tính chất duy tâm ở đây chủ yếu là duy tâm tôn giáo, điều này nói lên sự ảnh hưởng rất lớn của yếu tố truyền thống gia đình đối với thế giới quan của sinh viên. Thông qua phiếu thăm dò còn nhận thấy những hủ tục lạc hậu của xã hội, những hiện tượng mê tín dị đoan, xin xăm xin quẻ, bói toán, cầu cơ (7,48% số sinh viên còn tin vào thầy bói) xem giờ xem ngày, đốt hàng mã cho người chết (6,41% số sinh viên vẫn cho rằng đốt tiền âm phủ, hàng mã là thực sự giúp người đã khuất), ... vẫn còn khá phổ biến, nó không chỉ tiêu tốn tiền của của nhà nước và nhân dân, mà còn ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành thế giới quan của sinh viên. Khi đời sống vật chất của xã hội chưa cao, trình độ dân trí còn

thấp, tiến bộ xã hội chưa được thực thi rộng khắp, còn tồn tại các hình thức tôn giáo khác nhau, thì vẫn còn tồn tại thế giới quan duy tâm kể cả ở sinh viên, những người đại diện cho nền kinh tế tri thức của xã hội.

Nhìn nhận một cách khách quan, với số lượng xấp xỉ 80% sinh viên có thế giới quan duy vật thì đây là một bước tiến, một thành quả đáng trân trọng của ngành giáo dục, đặc biệt là của đội ngũ thầy cô giảng dạy bộ môn khoa học Mác - Lênin tại trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, để hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên, song song với việc xây dựng thế giới quan duy vật, cũng cần phải trang bị cho sinh viên một phương pháp tư duy biện chứng. Có thể nhận thấy rằng hình thành ở sinh viên một nhận thức đúng đắn về sự tồn tại, vận động và phát triển của thế giới là còn nhiều khó khăn và phức tạp. Chính vì vậy, mặc dù tỷ lệ sinh viên có thế giới quan duy vật là khá cao, nhưng nếu phân tích kết quả ở bảng dưới đây, chúng ta sẽ thấy số sinh viên chưa có quan điểm biện chứng khi nhìn nhận sự vận động và phát triển của thế giới cũng không phải là ít. Xét bảng tổng kết sau:

	Sinh viên đồng ý	Tổng số	Tỷ lệ
1	Sự vận động và phát triển của thế giới không theo quy luật nào cả	69	36,89%
2	Chúa điều khiển sự vận động và phát triển của thế giới	31	16,55%
3	Con người tự nghĩ ra và gán ghép quy luật cho thế giới	46	24,59%
4	Lịch sử loài người do các vĩ nhân tạo nên	29	15,50%
5	Thế giới tự thân vận động và phát triển theo quy luật khách quan.	115	61,49%

Bảng 3

Bên cạnh việc gần 61,49 % sinh viên khẳng định thế giới tự thân vận động và phát triển theo quy luật khách quan, số lượng sinh viên cho rằng thế giới vận động và phát triển là do ngẫu nhiên, không tuân theo một quy luật nào cả chiếm tỉ lệ khá cao 36,89%. Chứng tỏ vẫn còn một số lớn sinh viên chưa nhận thức được những quy luật tất yếu khách quan chi phối sự vận động và phát triển của thế giới. Đây sẽ là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự lệch lạc của sinh viên khi giải thích một số hiện tượng xã hội (số liệu cụ thể ở bảng 4).

Ở mục 3 và 4 bảng 3, với gần một phần tư sinh viên (24,59%) đã xem quy luật vận động và phát triển của thế giới là do con người tự nghĩ ra và gán ghép cho thế giới, hơn 15% sinh viên cho rằng lịch sử loài người do các vĩ nhân tạo nên đã nói lên có một số không nhỏ sinh viên vẫn còn chịu ảnh hưởng của thế giới quan duy tâm chủ quan, của phương pháp tư duy siêu hình. Sự lệch lạc này rất cần có sự uốn nắn kịp thời. Bài học chống chủ quan duy ý chí mà Đảng ta đã rút ra từ thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước nhắc nhở chúng ta phải đầu tư hơn nữa trong vấn đề xây dựng cho sinh viên quan điểm thực tiễn, tạo ra tư duy biện chứng cũng như phát triển tính năng động cho sinh viên trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của mình.

Tất nhiên, thế giới quan khoa học không thể một sớm, một chiều hình thành ngay trong sinh viên, mà phải trải qua một quá trình giáo dục, phải thông qua hoạt động nhận thức và thực tiễn của chính sinh viên. Và không thể chỉ dựa vào một vài câu hỏi để khẳng định ngay thế giới quan của sinh viên là khoa học hay không khoa học. Bước vào tuổi bắt đầu trưởng thành, thế giới quan của sinh viên ở một số mặt có thể là duy tâm, siêu hình và tiêu cực, nhưng ở những mặt khác lại có thể là duy vật, biện chứng và tích cực. Để có thể đánh giá thế giới quan của sinh viên được chính xác hơn, rất cần thiết tìm hiểu quan điểm của sinh viên thông qua các câu hỏi mang tính chất vận dụng và kết quả thống kê thu được phản ánh rằng bên cạnh một số sinh viên có quan điểm đúng đắn khi tự nhận thức về các vấn đề về xã hội, thì vẫn còn tồn tại nhiều quan điểm lệch lạc. Có 56,68% sinh viên đã nhận thức đúng rằng, việc đảm bảo hòa bình, không có chiến tranh là điều kiện cần thiết để xây dựng và phát triển xã hội loài người. Tuy nhiên khi nhận thức về nguyên nhân chiến tranh, cũng như cách xóa bỏ chiến tranh, xây dựng thế giới hòa bình, hoặc khi giải quyết những vấn đề về giai cấp, đấu tranh giai cấp, một số lượng lớn sinh viên đã nhìn nhận không khoa học, thể hiện qua bảng sau:

	Sinh viên khẳng định	Tổng số	Tỷ lệ
1	Chiến tranh bắt đầu trong trí óc loài người, nên thay đổi ý thức con người sẽ xóa bỏ được chiến tranh	92	49,19%
2	Thay đổi người lãnh đạo là có thể chấm dứt chiến tranh	86	45,98%
3	Chiến tranh là do sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của xã hội, nên cần xóa bỏ sở hữu này.	45	24,06%
4	Chủ nghĩa cộng sản tự theo thời gian tự động thay thế chủ nghĩa tư bản không cần đấu tranh giai cấp.	132	70,58%
5	Đời sống của người lao động ngày càng tốt lên, nên đấu tranh giai cấp là không cần thiết	85	45,45%

Bảng 4

Như vậy với gần 50% sinh viên đã thể hiện quan điểm duy tâm khi quan niệm chiến tranh xuất phát từ ý thức của con người nên thay đổi ý thức con người, thay đổi người lãnh đạo là có thể xóa bỏ được chiến tranh, cũng như chưa thấy được nguồn gốc và bản chất của các cuộc chiến tranh xuất phát từ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của xã hội và vì vậy một số sinh viên đã không tin tưởng vào tính tất yếu của đấu tranh giai cấp trong công cuộc xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn.

Đối với quá trình đổi mới nước ta, chỉ có 2,67% sinh viên xem đổi mới là thành công và bền vững, hơn 61,49% sinh viên xem đổi mới thành công nhưng còn nhiều bất cập, những con số đó thể hiện sự quan tâm của sinh viên đối với các vấn đề của đất nước, chứng tỏ tầm nhìn bao quát về thời cơ và thách thức của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Tuy nhiên, có đến 24,59% sinh viên cho rằng hiệu quả đổi mới không cao và 11,22% sinh viên xem đổi mới là yếu kém và không cần thiết đã chứng tỏ những sinh viên này chưa có được quan điểm toàn diện cũng như chưa hiểu được quy luật phát triển của xã hội một cách biện chứng.

Nhìn nhận cụ thể hơn về cuộc sống xã hội, công bằng xã hội đã trở thành một mối quan tâm lớn và được sinh viên thể hiện thông qua những bức xúc của mình với một số hiện tượng tiêu cực của xã hội, với việc người giữ chức vụ quan trọng lại không đủ năng lực phẩm chất đạo đức, với hiện tượng mua bán điểm, cấp bằng giả, tham nhũng, quan liêu, của quyền của cán bộ, ... Tuy nhiên, chưa có thể giới quan khoa học vững vàng, chưa có tầm nhìn bao quát sự phát

triển của đất nước trong tổng thể của nó, chưa thấy được sự phát triển diễn ra theo khuynh hướng quanh co, phức tạp, nên những hiện tượng tiêu cực không phải là phổ biến trong xã hội đã được sinh viên xem là phổ biến và từ đó dẫn đến 57,21% sinh viên không tin vào công bằng xã hội và 27,27% sinh viên không trả lời câu hỏi này.

Khi thể hiện suy nghĩ của mình về những giải pháp cho công cuộc đổi mới đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, sinh viên có nhiều hướng giải quyết khác nhau, nhưng có thể tổng hợp ý kiến một cách khái quát theo bảng số 5 dưới đây:

	Vấn đề	Rất quan trọng	quan trọng	Không quan trọng
1	Xây dựng luận cứ khoa học về con đường đi lên CNXH	41,71%	20,32%	
2	Chủ yếu vay mượn vốn nước ngoài.	18,71%	37,96%	14,97%
3	Phát triển khoa học-kỹ thuật tiên tiến và hiện đại	52,96%	36,89%	
4	Thực hiện xoá đói giảm nghèo có hiệu quả	64,70%	20,06%	
5	Hỗ trợ tích cực cho thành phần kinh tế tư bản tư nhân	5,88%	18,18%	45,45%
6	Thực hiện sâu rộng cải cách hành chính	21,92%	61,49%	
7	Xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng XHCN	51,33%	33,15%	
8	Thực hiện đa nguyên đa đảng về chính trị.		2,67%	80,21%
9	Khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng CSVN.	88,23%	6,41%	

Bảng 5

Theo sự đánh giá của sinh viên thì trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam vẫn được đặt lên vị trí quan trọng hàng đầu, ở những vị trí tiếp theo lần lượt là: thực hiện xoá đói giảm nghèo có hiệu quả, phát triển khoa học-kỹ thuật tiên tiến và hiện đại, xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Quan niệm đó phần nào chứng tỏ sự tin tưởng của thế hệ trẻ Việt Nam, đặc biệt giới trẻ tri thức, vào các đường lối chính sách của Đảng và nhà nước ta. Có đến 28,36% sinh viên không quan tâm đến nguồn vốn

nước ngoài, thể hiện những sinh viên này đã ý thức được tầm quan trọng của nội lực, của tinh thần tự lực tự cường của dân tộc. Bên cạnh những nét tiến bộ của sinh viên đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, thì vẫn còn khoảng 20% sinh viên không quan tâm đến sự nghiệp đổi mới và một bộ nhỏ sinh viên vẫn xem đa nguyên về chính trị là quan trọng. Từ đó dẫn đến việc uốn nắn sự lệch lạc của sinh viên và xây dựng cho họ thế giới quan khoa học là hết sức cần thiết.

Để phát huy những mặt tích cực và sửa chữa những mặt tiêu cực còn tồn tại trong thế giới quan của sinh viên thì sự quan tâm, tìm hiểu sinh viên thông qua khả năng tự nhận thức, tự đánh giá của họ đối với bản thân, nhà trường và xã hội là rất cần thiết.

Trước hết, tìm hiểu khả năng tự đánh giá của sinh viên về chính bản thân mình thông qua những vấn đề như mục đích cuộc sống, tính độc lập tự chủ, tính lạc quan, khả năng thành đạt trong cuộc sống... Kết quả khảo sát về mục đích cuộc sống con người được sinh viên đánh giá như sau:

	Mục đích sống của con người.	Tổng số	Tỉ lệ.
1	Học hỏi và cống hiến cho xã hội.	135	72,19%
2	Được mọi người tin yêu.	105	56,14%
3	Có nghề nghiệp ổn định và yên phận.	57	30,48%
4	Giàu sang, phú quý.	48	25,69%
5	Được lên Thiên đường sau khi chết.	29	15,50%

Bảng 6

Như vậy là đại bộ phận sinh viên 72,19% xác định được mục đích cuộc sống là học tập và cống hiến cho xã hội. Mục đích sống của sinh viên đã gắn với yêu cầu khách quan của thời đại và của đất nước trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế tri thức. Kế thừa truyền thống hiếu học của ông cha ta để lại, sinh viên không chỉ nhận thức đúng về bản chất của tri thức khoa học, của chân lý (167 sinh viên chiếm 89,30% xác định chân lý là tri thức phù hợp với hiện thực khách quan), mà còn dùng những tri thức đúng đắn đó làm nền tảng, định hướng cho hoạt động thực tiễn của mình (154 sinh viên chiếm 82,35% khẳng định tự do là tuân theo quy

luật của tự nhiên và xã hội, 82,88 % sinh viên theo quan điểm đồng tình với sự chỉ bảo của người thực sự học rộng biết nhiều và 76,47% sinh viên tin vào sự thành đạt là dựa chủ yếu vào trình độ chuyên môn cũng như ý chí vươn lên). Thái độ yêu mến và coi trọng tri thức khoa học, tôn trọng sự hiểu biết trong cuộc sống xã hội cho thấy sinh viên đã tự đánh giá được rằng tri thức làm nên sức mạnh, làm nên sự tự do cho con người và chỉ có tri thức mới đưa lại cho con người chân lý. Đây chính là một tín hiệu đáng mừng trong thời kỳ phát triển kinh tế tri thức hiện nay. Đồng thời, sinh viên biết đặt mục đích được mọi người tin yêu lên cao hơn sự yên ổn của bản thân đến 25,66%. Điều này thể hiện những yếu tố truyền thống tốt đẹp của dân tộc như tính cộng đồng, tình đoàn kết, tương thân tương ái... đã tác động mạnh mẽ trở thành cơ sở thuận lợi để xây dựng nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa cho sinh viên.

Ngoài việc sinh viên thể hiện đã đủ khả năng tự lập, tự làm chủ cuộc sống của mình trong tương lai, họ còn cho thấy sự lạc quan, yêu đời của tuổi trẻ. Mặc dù những biểu hiện tiêu cực xảy ra trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tác động không nhỏ đến tình cảm cũng như suy nghĩ của sinh viên và không ít sinh viên phủ nhận sự công bằng xã hội, nhưng số sinh viên này lại không hề bi quan, chán nản, mà trái lại họ rất tin tưởng vào bản thân, có đến 153 phiếu (chiếm 81,81%) trả lời tin vào bản thân và sự thành đạt của chính mình.

Thứ hai, xuất phát từ việc xây dựng và củng cố thế giới quan khoa học cho sinh viên phải được thông qua việc nắm bắt, thực sự hiểu, thực sự tin và vận dụng được các bộ môn khoa học Mác - Lênin vào cuộc sống. Đây không phải là một công việc đơn giản trước thực trạng giảng dạy và học tập những môn học này trong các trường đại học, cao đẳng còn nhiều bất cập. Trước hết, có thể thấy suy nghĩ của sinh viên về vai trò, ý nghĩa của các môn học Mác — Lênin đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của cá nhân sinh viên thông qua bảng tổng kết sau:

	Vai trò của các môn khoa học Mác _Lênin	Tổng số	Tỷ lệ
1	Học tốt những môn học khác	96	51,33%
2	Làm tốt công tác chuyên môn	80	42,78%
3	Nhận thức được quy luật vận động và phát triển của thế giới.	95	50,80%
4	Xây dựng một cách nghĩ, cách sống đúng đắn	62	33,15%
5	Giải quyết được những khó khăn trong cuộc sống .	39	20,85%

Bảng 7

Như vậy, có khoảng một nửa số sinh viên vẫn chưa thấy được mối liên hệ giữa các bộ môn khoa học Mác - Lênin với chuyên ngành của mình, chưa vận dụng được một thế giới quan khoa học, một phương pháp luận biện chứng vào học tập và công tác chuyên môn. Con số 95 sinh viên (chiếm 50,80%) khẳng định những môn khoa học Mác - Lênin trang bị cho mình thế giới quan duy vật biện chứng là còn thấp. Đồng thời, chỉ có 33,15% sinh viên xem những môn học trên góp phần xây dựng cách nghĩ, cách sống đúng đắn và 20,85% sinh viên vận dụng những điều đã học để giải quyết một số khó khăn trong cuộc sống cho thấy giữa lý luận và thực tiễn còn có khoảng cách xa. Chính vì số lượng lớn sinh viên chưa vận dụng được các môn khoa học Mác - Lênin vào hoạt động nhận thức và thực tiễn, nên họ đã đầu tư chưa đúng mức cho những môn học này. Chúng ta có thể nhận thấy thái độ của sinh viên đối với việc học các môn khoa học Mác - Lênin thông qua bảng tổng hợp số 8:.

	Sinh viên và những môn khoa học Mác _Lênin	Tổng số	Phần trăm
1	Có thời gian để học	99	52,94%
2	Có tài liệu tham khảo	117	62,56%
3	Hiểu bài giảng	110	58,82%
4	Học thuộc lòng để trả thi	80	42,78%
5	Thi nắm được bài hoàn toàn	46	24,59%
6	Chưa nắm vững bài, nhưng không dựa vào tài liệu	39	20,08%
7	Thi phải dựa vào tài liệu	22	11,76%

Bảng 8

Bảng thống kê cho thấy sinh viên không thiếu thời gian và tài liệu học tập. Các thầy cô cùng rất nhiệt tình khi truyền thụ những tri thức có tính chất trừu tượng hóa, khái quát hóa cao như Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ-nghĩa xã-hội khoa học, ... để gần 60% sinh viên hiểu bài giảng. Thế nhưng chính vì ngại suy nghĩ và tâm lý học thuộc lòng bài để trả thi cho xong đã trở thành khá phổ biến (chiếm 42,78%). Nên khi áp dụng lý luận vào thực tiễn sinh viên thường tỏ ra lúng túng. Gần 80% sinh viên tự đánh giá là không thể đem tri thức bộ môn khoa học Mác - Lênin để giải quyết những khó khăn trong cuộc sống trở thành một con số biết nói, đòi hỏi có

sự đổi mới đồng bộ ở mọi cấp, mọi ngành và sự tham gia của toàn xã hội để giúp sinh viên khắc phục hạn chế này.

Thứ ba, để làm sáng tỏ thể giới quan của sinh viên, thì sự tự đánh giá của sinh viên đối với nhà trường cũng là điều cần nghiên cứu trong phiếu thăm dò.

Khi sinh viên được yêu cầu tự do, thẳng thắn nhận xét về môi trường sư phạm và hoạt động chung của nhà trường thì có 125 sinh viên chiếm 66,84% đã đưa ra ý kiến. Sự phản ánh của sinh viên về thực trạng của nhà trường bao gồm nhiều vấn đề khác nhau.

Bên cạnh những đánh giá môi trường sư phạm trong sạch, phần lớn cán bộ công nhân viên nhà trường có năng lực, phần lớn các thầy cô giáo giỏi, có tâm huyết với nghề, sinh viên nhận xét: về mặt nội dung học tập sinh viên chưa có điều kiện đi sâu vào tri thức chuyên ngành, khó gắn lý luận với thực tiễn, về nghiên cứu khoa học bị hạn hẹp thời gian đầu tư và rất cần sự giúp đỡ, định hướng; về khối lượng kiến thức ngoại ngữ và tin học chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, gần 50% sinh viên ra trường đi làm phải bồi dưỡng thêm ở các lĩnh vực này. Những sinh viên đang theo học năm IV thì đánh giá chương trình năm cuối khóa còn nặng, nếu cần có thể kéo dài thời gian học thành 4,5 đến 5 năm để giảm áp lực học cho sinh viên.

Về phương pháp giảng dạy, sinh viên đồng ý phương pháp diễn giảng truyền thống có nhiều ưu điểm nhất định, nhưng mong muốn được sử dụng nhiều hơn những phương pháp khác như đàm thoại, nêu vấn đề, trực quan ... giúp người học chủ động sáng tạo hơn trong học tập. Thầy cô chỉ giảng những nội dung chính, những đề tài khó, những vấn đề còn lại sinh viên tự học và thảo luận dưới sự hướng dẫn của thầy cô.

Trong thi cử, có thể tăng áp dụng cách thi trắc nghiệm, thi vấn đáp ... nhằm phát huy được tính sáng tạo của người học và tránh được những gian lận.

Khi nói về các phong trào hoạt động trong trường, những phong trào thiết thực góp phần nâng cao năng lực, phẩm chất người sinh viên, những phong trào hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự do và đúng ý nghĩa, không chạy theo bệnh thành tích được sinh viên quan tâm nhiều nhất. Đối với vấn đề giao lưu sinh viên mong muốn có chương trình hoạt động cụ thể và thường xuyên hơn nữa giữa các khoa trong trường và giữa sinh viên trong thành phố với nhau.

Nâng cấp cơ sở vật chất, số lượng sách cho thư viện để tạo điều kiện cho sinh viên tự học tốt hơn. Nhà thể thao cố lịch cho sinh viên vui chơi và tham gia rèn luyện sức khỏe không mất tiền, mở một số phòng học cho sinh viên nghỉ trưa...

Tóm lại, mặc dù trong hoạt động nhận thức, gần 80% sinh viên có thể giới quan duy vật, nhưng xét đến thể giới quan duy vật biện chứng số lượng này giảm xuống còn hơn 60% và đặc biệt khi áp dụng những quan điểm của sinh viên vào hoạt động thực tiễn thì thể giới quan duy vật biện chứng đã giảm xuống dưới con số 50%. Điều này minh chứng cho một thực tế là khoảng cách giữa nhận thức và thực tiễn ở sinh viên là không nhỏ. Nói cách khác, sinh viên đã rất lúng túng khi vận dụng hệ thống quan điểm duy vật biện chứng của mình vào việc đánh giá, giải thích các hiện tượng xã hội. Đây chính là vấn đề phải tháo gỡ nếu muốn xây dựng cho sinh viên thể giới quan thực sự khoa học.

Trước khi đưa ra một số suy nghĩ về các giải pháp xây dựng thể giới quan khoa học cho sinh viên, chúng tôi muốn làm rõ những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc hình thành thể giới quan lệch lạc ở sinh viên.

2.2. Những nguyên nhân cơ bản dẫn đến lệch lạc thể giới quan khoa học ở sinh viên.

Thể giới quan phản ánh đời sống vật chất của xã hội và những điều kiện sống của con người, tìm hiểu những nguyên nhân cản trở sự hình thành thể giới quan khoa học ở sinh viên phải xuất phát từ các lĩnh vực xã hội, gia đình và giáo dục ở nhà trường.

Thứ nhất, bất cứ quá trình hình thành thể giới quan nào của sinh viên cũng phụ thuộc vào những điều kiện khách quan, vào sự phát triển của lịch sử loài người và của chế độ xã hội đương thời.

Một mặt, "nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất thấp" [5, 8], chính tàn dư của xã hội cũ với những quy tắc cổ truyền, những hủ tục lạc hậu, những tập tục mê tín làm hạn chế lý trí của con người, cản trở hình thành một thể giới quan khoa học.

Mặt khác, tình hình thế giới cho thấy Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu, sau một thời gian ổn định và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đã mất cảnh giác với những thế lực thù địch, không cố gắng phát triển kinh tế, không xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh, trong sạch,

đoàn kết, dẫn đến sự sụp đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Chính sự tan rã của phe xã hội chủ nghĩa đã phần nào làm giảm sút niềm tin của không ít sinh viên vào xã hội cộng sản tương lai, vào tính đúng đắn của học thuyết Mác Lê-nin, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tình hình trong nước, Đảng cộng sản Việt Nam đã vượt qua thử thách, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bước đầu đã có những thành công trong đổi mới, đời sống nhân dân có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, không phải vì thế mà giai cấp tư sản công nhận tính Chân - Thiện - Mỹ của thế giới quan vô sản. Chúng vẫn luôn dùng mọi âm mưu thủ đoạn nhằm xóa bỏ thế giới quan vô sản, thống nhất hóa thế giới quan tư sản trên phạm vi toàn thế giới. Những biện pháp tuyên truyền, kích động, chiến dịch "diễn biến hòa bình", ... được các thế lực thù địch không ngừng thực hiện nhằm lung lay lập trường giai cấp vô sản của thanh niên, sinh viên Việt Nam hay truyền bá thế giới quan duy tâm tôn giáo làm hạn chế những quan điểm đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Với quá trình mở cửa hội nhập, bên cạnh việc tiếp thu những tinh hoa thời đại, không ít những quan điểm phản khoa học, phản nhân đạo, những tệ nạn xã hội cũng ùa vào theo. Cùng với việc phát triển nền kinh tế thị trường, một số sinh viên dễ dàng ngộ nhận và sai lầm khi định giá ý nghĩa cuộc sống, sa vào lối sống ích kỷ, cá nhân, tiêu cực. Mặt trái của kinh tế thị trường đang là một cản trở rất lớn đến việc hình thành nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa.

Thứ hai, gia đình là tế bào của xã hội, cũng là nơi ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình hình thành nhân cách của sinh viên. Từ khi ra đời cho đến hết thời niên thiếu, sinh viên được gia đình nuôi dưỡng và dạy bảo. Ngoài rất nhiều những yếu tố tích cực sinh viên nhận từ gia đình, còn có một số quan điểm của thế hệ đi trước (ông bà, cha mẹ) nặng về tính chất phong kiến lạc hậu, để lại dấu ấn sâu đậm cho thế hệ đi sau. Chính việc gia đình duy trì những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, những quan điểm bảo thủ lạc hậu đã gây cản trở cho việc tiếp thu thế giới quan khoa học của họ.

Thứ ba, nhận thức lý luận khoa học dựa trên chủ nghĩa duy vật biện chứng vượt trước thời đại, mà nhận thức đời thường không biến đổi theo kịp, do đó việc xây dựng thế giới quan khoa học cho sinh viên phụ thuộc không chỉ vào quá trình xây dựng xã hội, phụ thuộc vào gia đình, mà còn chịu ảnh hưởng lớn của công tác giáo dục. Công tác giáo dục nói chung và giảng dạy

những môn khoa học Mác -Lênin nói riêng cho sinh viên ở nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Nội dung, chương trình các môn học này còn nặng về tính chất học thuật, chưa sát với thực tế cuộc sống, tài liệu tham khảo còn thiếu, những công cụ thông tin hiện đại hỗ trợ cho việc dạy và học hầu như không có. Chính sách của nhà nước đối với đội ngũ giáo viên các môn khoa học Mác - Lênin hiện nay chưa thực sự thể hiện sự quan tâm ưu đãi. Sự chú trọng của các cấp quản lý giáo dục chưa nhiều và chưa thường xuyên, vai trò của những môn học trên chưa được đánh giá và nhận thức đúng...

Thứ tư, sinh viên không chỉ là khách thể của sự tác động bên ngoài, mà còn là chủ thể tích cực, phức tạp, với những mâu thuẫn và những khát vọng trái ngược nhau. Trong quá trình tiếp thu tri thức sinh viên gặp mâu thuẫn giữa lượng tri thức lớn và khả năng, điều kiện tiếp thu, tổng hợp, xử lý có hạn, mâu thuẫn giữa mong muốn học tập chuyên sâu môn học yêu thích với sự bắt buộc phải thực hiện toàn bộ chương trình học tập; mâu thuẫn giữa tiếp thu lý luận, nhưng ít hoặc không được thực hành; mâu thuẫn giữa khả năng tiếp thu tri thức với điều kiện tiếp thu tri thức (điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất và thể lực).

Trong quá trình chuyển tri thức thành niềm tin và sống có lý tưởng sinh viên gặp mâu thuẫn giữa ước mơ lý tưởng và khả năng, điều kiện, kinh nghiệm để thực hiện chúng; mâu thuẫn giữa tri thức đúng đắn dẫn được tiếp thu với thực tiễn xã hội còn nhiều tiêu cực được biểu hiện như 57,21% sinh viên không tin vào công bằng xã hội và 27,27% sinh viên không trả lời vấn đề công bằng xã hội.

Trong quá trình định giá những giá trị xã hội, với những hạn chế nhất định như bông bột, thiếu kinh nghiệm, đôi khi liêu lĩnh .v.v sinh viên gặp mâu thuẫn giữa kinh nghiệm sống còn ít ỏi với mong muốn ứng xử trong quan hệ xã hội một cách thích hợp; mâu thuẫn giữa việc nhận thức được đâu là những cái hào hoa giả tạo bên ngoài, đâu là những giá trị nhân văn bền vững bên trong, mâu thuẫn giữa việc cần có kiên định lập trường với tuổi đời non trẻ dễ bị những ảnh hưởng xấu lôi kéo...

Những mâu thuẫn này không được định hướng giải quyết một cách đúng đắn sẽ tác động tiêu cực đến quá trình hình thành thế giới quan của sinh viên.

Như vậy, kết quả thế giới quan sinh viên nhận được phụ thuộc vào mối liên hệ qua lại chặt chẽ giữa những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, giữa yếu tố tích cực và tiêu cực

trong quá trình phát triển xã hội. Xã hội tiên bộ sẽ tạo điều kiện và môi trường tốt để hình thành thế giới quan khoa học ở sinh viên, còn ngược lại con đường đi đến thế giới quan khoa học sẽ gặp nhiều chông gai. Đồng thời, cũng không nên xem nhẹ mặt chủ quan của sinh viên, luôn khuyến khích họ tham gia tích cực vào quá trình lĩnh hội trí thức, cũng như quá trình hoạt động xây dựng xã hội. Nắm vững mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, cũng như giữa ý thức xã hội và ý thức cá nhân trở thành nguyên tắc cơ bản để đưa ra những giải pháp cho việc hình thành thế giới quan khoa học ở người sinh viên.

2.3. Một số giải pháp đề nghị để góp phần hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa và có tư tưởng xã hội chủ nghĩa" [14, 159]. Thông qua việc nhận thức những nguyên nhân cản trở quá trình hình thành thế giới quan khoa học ở người sinh viên chúng tôi nêu lên một số giải pháp nhằm góp phần xây dựng sinh viên trở thành những con người mới xã hội chủ nghĩa.

2.3.1. Giải pháp công tác tư tưởng đối với sự hình thành và phát triển thế giới quan khoa học của sinh viên.

Công tác tư tưởng là cả một tiến trình nghiên cứu lý luận xã hội (hay những học thuyết xã hội) từ đó nhận thức đúng quy luật phát triển của xã hội nhằm hình thành cơ sở khoa học và những chỉ dẫn cụ thể cho hoạt động chính trị và thực tiễn của con người. Công tác tư tưởng cũng là tiến trình tuyên truyền tri thức cần thiết bằng những phương tiện đa dạng nhằm đưa thế giới quan khoa học đi vào nhận thức và đời sống xã hội; là tiến trình bền bỉ giáo dục để tri thức khoa học biến thành quan điểm và chuẩn mực hành vi trong mọi hoạt động của con người; là tiến trình tổ chức và hợp nhất cộng đồng hướng về một lý tưởng chung và có chung thế giới quan khoa học.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IX đã nêu rõ sáu nhiệm vụ của công tác tư tưởng như sau:

Một là, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Hai là, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân.

Ba là, công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống.

Bốn là, chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "Diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Năm là, thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng.

Sáu là, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động, báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại.

Từ những nhiệm vụ nêu trên, Đảng ta đã đưa ra những giải pháp lớn có thể kể đến như:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của nhà nước; kiện toàn bộ máy tổ chức, phát huy sức mạnh tổng hợp, tăng cường đầu tư cho công tác tư tưởng, lý luận.

Mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận; nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên; tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận.

Những giải pháp lớn của Đảng được cụ thể hóa bằng những chính sách và biện pháp cụ thể để xây dựng thế giới quan khoa học cho sinh viên. Đầu mỗi năm học phòng công tác chính trị tổ chức những đợt học tập chính trị, tuyên truyền nghị quyết chủ trương của Đảng, của Đoàn, tuyên truyền học tập chủ nghĩa Mác - Lênin dưới nhiều hình thức như sinh hoạt tọa đàm hay thông qua các cuộc thi Olympic là rất đáng khích lệ. Thành đoàn xây dựng Câu lạc bộ lý luận trẻ có sinh hoạt theo định kỳ làm nơi cho sinh viên tập hội thảo tự do các vấn đề lý luận chính trị xã hội và bày tỏ tâm tư nguyện vọng cũng như nhu cầu của mình là cần thiết. Tuy nhiên, những hoạt động trên cần có sự hướng dẫn, kiểm soát, khen thưởng để khuyến khích sinh viên tham gia tích cực.

Đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên còn nằm ở chỗ nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập những môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường.

2.3.2. Giải pháp giáo dục đối với sự hình thành và phát triển thế giới quan khoa học của sinh viên.

Trong trường học, lâu nay việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho sinh viên thường bắt đầu bằng việc trình bày một hệ thống phạm trù, quy luật, tuy có liên hệ với thực tiễn, nhưng còn mang tính áp đặt, khô cứng, chưa thật hấp dẫn sinh viên. Con số 42.78% sinh viên học thuộc lòng các môn khoa học Mác - Lênin để trả thi và gần 50% sinh viên không thấy được vai trò của môn khoa học Mác - Lênin đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của mình là một minh họa rõ nét.

Vì vậy, cần tìm những con đường mới để sinh viên tiếp cận chân lý khoa học bằng chính sự tìm tòi sáng tạo của bản thân họ. Bác Hồ kính yêu của chúng ta đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa xã hội và con đường đó cũng được đông đảo nhân dân và tuổi trẻ cả nước đi theo. Tình hình hôm nay tuy có khác trước, nhưng con đường để xây dựng thế giới quan khoa học cho sinh viên vẫn phải bắt đầu từ chủ nghĩa yêu nước. Với truyền thống hiếu học cần được khích lệ, trên quan điểm sinh viên không phải là một bình nước cần đổ đầy, mà là một ngọn đèn tự toa sáng, chỉ có thể xem việc giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin có hiệu quả, khi quan tâm hơn nữa đến tiếng nói của sinh viên, đề cao khả năng sáng tạo của sinh viên, đặt trách nhiệm tiếp thu tri thức vào tay sinh viên và hướng dẫn cho họ tự ôm đến với chân lý.

Với mong muốn hiện thực phương pháp giảng dạy mới như vậy, việc đầu tiên có thể kể đến là xây dựng chương trình, lên kế hoạch cụ thể để trong thời gian gần nhất đảm bảo:

Đào tạo, xây dựng đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, nói chung, có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn cao và yêu nghề. Để đội ngũ giáo viên giảng dạy bộ môn Mác - Lênin tăng thêm tâm huyết, lòng nhiệt tình công tác, sáng tạo trong dạy học, rất cần sự quan tâm thường xuyên, những chính sách ưu đãi của nhà nước và các cấp quản lý giáo dục, và một trong những sự quan tâm là làm sao bảo đảm được đời sống của giáo viên và gia đình trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.

Việc xây dựng thế giới quan khoa học cho sinh viên không chỉ được thực hiện trong 4 hay 5 năm đại học, quá trình đó phải được thực hiện từ những ngày còn là học sinh, từ những buổi tiếp xúc với bộ môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Với thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy Giáo dục công dân còn chấp vá, nhiều giáo viên chưa qua đào tạo chính quy chuyên ngành. Do đó, tổ chức những lớp đào tạo chính quy tại địa phương mang tính chất bắt buộc đối với những giáo viên chưa qua đào tạo là cần thiết, về lâu dài lựa chọn những học sinh phổ thông yêu thích môn Giáo dục công dân với học lực từ khá trở lên, cho đào tạo chính quy tại khoa Giáo dục chính trị mới có thể đảm bảo một đội ngũ có năng lực và lòng nhiệt tình phục vụ cho các trường phổ thông trong tương lai.

Đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình và tài liệu tham khảo các môn khoa học Mác - Lênin cho phù hợp với thực tiễn, bỏ bớt một số phần nặng về tính chất học thuật, sách vở. Đồng thời, tạo một thư viện mở với hệ thống sách đa dạng phong phú, đầy đủ về số lượng để cung cấp cho sinh viên, kể cả mượn về nhà đọc.

Hiện nay, khoa học kỹ thuật và khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là công nghệ thông tin. Ngoài việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường đối thoại, xêmina, giải các bài tập tình huống, tổ chức sinh viên thành tổ học tập, nhóm học tập, còn phải cung cấp các thiết bị trợ giúp quá trình giảng dạy như máy tính, đèn chiếu, xây dựng kho tài nguyên mink họa cho giáo viên soạn bài giảng theo giáo trình điện tử...

Như vậy, hình thành hạt nhân lý luận thế giới quan khoa học cho sinh viên về cơ bản là thông qua việc dạy và học các môn khoa học Mác - Lênin trong các trường đại học và cao đẳng. Tuy nhiên để củng cố và phát triển thế giới quan khoa học, sinh viên cần được cọ xát nhiều hơn với thực tế, luyện tập về phương diện xã hội, tham gia vào các tổ chức, các hoạt động xã hội.

2.3.3. Giải pháp tăng cường và đổi mới phương thức hoạt động trong các tổ chức của sinh viên.

Xây dựng thế giới quan khoa học cho sinh viên không bằng hình thức, hô hào khẩu hiệu, mà bằng hoạt động tích cực trong mọi lĩnh vực khác nhau của xã hội. Con số 13.37% sinh viên quan tâm đến công tác xã hội cho thấy cần phải củng cố tăng cường và đổi mới phương thức hoạt động trong các tổ chức của sinh viên.

Tổ chức xã hội mà sinh viên gắn bó nhất là Đoàn thanh niên và Hội sinh viên. Trong năm học 2002 -2003, theo như sự đánh giá của Thành đoàn về công tác Đoàn và phong trào sinh viên của trường Đại học Sư phạm chúng ta trên bốn mặt công tác giáo dục, hoạt động phong trào, xây dựng Đoàn và công tác chỉ đạo đều đạt chỉ tiêu xuất sắc. Đây là một cố gắng lớn của các tổ chức như Đoàn thanh niên và Hội sinh viên. Tuy nhiên, phương thức hoạt động của các tổ chức Đoàn hội vẫn phải có bước đổi mới nhằm nâng cao sức thu hút, tập hợp sinh viên ngày càng đông đảo rộng rãi hơn.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục pháp luật, tuyên dương các gương mặt tiên tiến; hoạt động giáo dục truyền thống phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tổ chức các hội thi về truyền thống, hội diễn văn nghệ, sinh viên đến với bảo tàng, sinh viên chào mừng ngày nhà giáo; chương trình sinh viên "xung kích vì Tổ quốc, vì cộng đồng" ; phong trào "sinh viên ba tốt", sinh viên nghiên cứu khoa học, Mùa hè xanh... đã diễn ra rộng khắp. Nhưng phải có kế hoạch cụ thể hơn, dự trù chương trình hành động sớm hơn, kiểm tra và khen thưởng kịp thời để tăng hiệu quả của phong trào. Đồng thời, nên xác định đầu tư cho những phong trào tiên quan đến quá trình tiếp thu tri thức của sinh viên, hỗ trợ cho họ vừa tham gia hoạt động xã hội, vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

Xây dựng những Câu lạc bộ sinh viên sinh hoạt theo định kỳ, trong quá trình sinh hoạt đó tìm hiểu những nhu cầu thiết thực, tâm lý, nguyện vọng của sinh viên để đề ra các chủ trương, hình thức, giải pháp thiết thực thu hút họ tích cực tham gia hoạt động xã hội. Trong các câu lạc bộ sinh viên, thường xuyên phát triển những hình thức văn hóa mới, thể dục thể thao lành mạnh, chống mọi tàn dư văn hóa lạc hậu phản động, hạn chế những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường.

Ngoài ra, có kế hoạch cụ thể đào tạo chính qui đội ngũ cán bộ cho tổ chức sinh viên. Đội ngũ này có trình độ chuyên môn, tổ chức và quản lý cao, nhận thức chính trị sâu sắc, gương mẫu, nhiệt tình trong sinh hoạt và thể hiện được vai trò "đầu tàu" trong mọi hoạt động của sinh viên.

Như vậy, muốn sinh viên có được thế giới quan khoa học cần đẩy mạnh và phối hợp những hoạt động nêu trên một cách nhịp nhàng như kết hợp sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác sinh viên về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Cũng cố sự quản lý của nhà trường về công tác

sinh viên. Xem giáo dục sinh viên là công tác của toàn xã hội, tăng cường sự thống nhất và phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục sinh viên. Tăng cường vai trò và nhiệm vụ của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên. Hướng dẫn sinh viên tự nguyện, tự giác và tích cực tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vì chính những môn học này quá trình đóng vai trò hạt nhân lý luận cho việc hình thành thế giới quan khoa học. Đồng thời để thế giới quan khoa học đã hình thành được củng cố và phát triển lên, đi đôi với việc học cần khuyến khích sinh viên tham gia vào hoạt động xã hội, tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN.

Thế giới quan của sinh viên là hệ thống các quan điểm của sinh viên về thế giới và mối quan hệ của con người với thế giới. Hệ thống quan điểm này dẫn lối soi đường cho hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên. Do đó, hình thành cho sinh viên một thế giới quan khoa học là điều đáng quan tâm không chỉ của nhà trường, mà còn của gia đình và xã hội.

Điều khó khăn trong đề tài là mặc dù hệ thống câu hỏi của phiếu thăm dò đã cố gắng bao quát mọi vấn đề liên quan đến thế giới quan, nhưng dựa vào một số câu trả lời để khẳng định một cách rõ ràng, rạch ròi thế giới quan của bao nhiêu sinh viên là khoa học và bao nhiêu sinh viên là không khoa học là không thể. Bởi vì, bước vào tuổi bắt đầu trưởng thành, thế giới quan của sinh viên ở một số mặt có thể là duy tâm, siêu hình và tiêu cực, nhưng ở những mặt khác lại có thể là duy vật, biện chứng và tích cực. Cho nên, kết quả thu được của đề tài nghiên cứu khoa học này cũng cần phải được bổ sung và phát triển.

Với số lượng xấp xỉ 80% sinh viên có thế giới quan duy vật, nhìn nhận một cách khách quan, thì đây là một bước tiến, một thành quả đáng trân trọng của ngành giáo dục, đặc biệt là của đội ngũ thầy cô giảng dạy bộ môn khoa học Mác - Lênin tại trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đây là con số thể hiện khả năng nhận thức của sinh viên về thế giới là duy vật. Nhưng khi xét đến thế giới quan duy vật biện chứng số lượng này giảm xuống còn hơn 60% và đặc biệt khi áp dụng những quan điểm của sinh viên vào thực tiễn và hoạt động thực tiễn thế giới quan duy vật biện chứng đã giảm xuống con số 50%. Điều này minh chứng cho một thực tế là khoảng cách giữa nhận thức và thực tiễn ở sinh viên là không nhỏ. Nói cách khác, sinh viên đã rất lúng túng khi vận dụng hệ thống quan điểm duy vật biện chứng của mình vào việc đánh giá, giải thích các hiện tượng xã hội.

Bước vào thiên niên kỷ mới, trên thế giới sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học kỹ thuật và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, lôi cuốn nhiều nước tham gia, vừa biểu hiện mặt tích cực lẫn tiêu cực của nó. Ở nước ta, Đảng cộng sản Việt Nam đã vượt qua thử thách, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và đổi mới thành công, đời sống nhân dân có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải đối mặt đối nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn

tham nhũng, tệ quan liêu và "diễn biến hòa bình". Sự phức tạp như vậy của bối cảnh và thời đại làm cho sinh viên khó có thể đưa ra được quan điểm đúng đắn để định hướng cho hoạt động của bản thân nếu không được trang bị chắc chắn thế giới quan khoa học.

Với thực tiễn phức tạp và đa dạng như trên việc dạy và học những bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những môn khoa học là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học, càng gặp nhiều khó khăn hơn. Để giải quyết khó khăn, ngoài sự nỗ lực của giáo viên giảng dạy, rất cần có sự phối hợp đồng bộ và sự trợ giúp, quan tâm đặc biệt của Đảng, của nhà nước, của các cấp ngành có liên quan và của toàn xã hội mới có thể giúp sinh viên nắm vững và học được cách vận dụng sáng tạo những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Ngoài ra, yếu tố tự nguyện, tự giác và tích cực của những người sinh viên trong quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò quyết định việc hình thành thế giới quan khoa học của họ. Đồng thời, tri thức, niềm tin và lý tưởng mà sinh viên nhận được từ những môn học trên định hướng, soi đường cho sinh viên vượt mọi khó khăn phấn đấu trở thành "con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội"[6, 114]. Từ đó có thể hy vọng mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" mà Đảng ta đã đề ra sẽ được thực hiện trong tương lai gần nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng Việt.

1. Ban tư tưởng - văn hóa trung ương, Tài liệu nghiên cứu các nghị quyết Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành trung ương khóa IX, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002.
2. Nguyễn Lương Bằng, Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận Mác-Lênin ở các trường Đại học hiện nay, Tạp chí Lý luận chính trị số 7 -2002.
3. Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo dục học Đại học, Hà Nội 1996.
4. C. Mác và Angghen, Toàn tập, tập 3, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1991.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Các nghị quyết Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành trung ương khóa IX, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002.
8. Đặng Cảnh Khanh, Đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên, Tạp chí Cộng sản, số 19 - 2001.
9. Đặng Cảnh Khanh, Mấy suy nghĩ về thanh niên và phong trào thanh niên, Tạp chí Cộng sản, số 34 - 2002.
10. Nguyễn Minh Hòa, "Đặc điểm hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên miền Nam Việt Nam" luận án tiến sỹ triết học.
11. Thanh Lê (Chủ biên), Lối sống xã hội chủ nghĩa và xu thế toàn cầu hóa, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội 2001.
12. Các Mác, Tiểu sử, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1977.
13. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995.

14. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 10, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000.

15. Phạm Đình Nghiệp, Giáo dục tư tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình môi, Nhà xuất bản Thanh niên 2000.

16. Hoàng Đình Quân, Vai trò xung kích đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của thế hệ trẻ Việt Nam, Tạp chí Cộng sản số 34 - 2002.

17. Lê thanh Sinh, Trang bị lý luận - phép biện chứng duy vật - cho sinh viên là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong các trường Đại học hiện nay, Tạp chí triết học số 7 - 2002.

18. Trần Thước, “Sự hình thành thế giới quan xã hội chủ nghĩa ở tầng lớp trí thức Việt Nam” luận án tiến sỹ triết học.

19. Văn Tùng, Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên, Nhà xuất bản Thanh Niên, 1999.

20. Vũ Thiện Vương, Triết học Mác -Lênin về con người và việc xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 2001.

21. A - pha - na- xi- ép V. Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản khoa học, Nhà xuất bản. Tiến Bộ, Moscow 1984.

22. A - pha - na- xi- ép V. Cách mạng khoa học - kỹ thuật, quản lý và giáo dục, Nhà xuất bản. Tiến Bộ, Moscow 1981.

Tài liệu tham khảo tiếng Nga.

23. Alekciép P. V. Khoa học và thế giới quan, Mátxcova 1983.

24. Arsisépcki R. A. Thế giới quan: bản chất, đặc trưng, sự phát triển. Lvov, 1986.

25. Asmanic M. G. Thế giới quan và điều kiện hình thành nên nó, Riga 1975.

26. Baisis A. Thế giới quan trong cuộc sống xã hội và con người, Vinnhus, 1981.

27. Buianop V. S., Thế giới quan khoa học", Mátxcova 1987.

28. Ermolop A. IA., Vai trò của triết học trong sự hình thành thế giới quan, Mátxcova 1964.

29. Ivanop V. G. Vật lý học và thế giới quan, Leningrát, 1975.
30. Karpinskaia R. S; Sinh vật học và thế giới quan Mátxcova ,1980.
31. Maptunusep I. V. thế giới quan của nhà khoa học tự nhiên, Mátxcova, 1980.
32. Niconorova L. V., Văn hoá và thế giới quan, Sách triết học xã hội của Xô Viết hàng năm, Mátxcova 1984.
33. Oiderman T. I. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - cơ sở triết học của thế giới quan cộng sản, Kiep, 1977.
34. Oiderman T. I. Những vấn đề khoa học của triết học lịch sử, Mátxcova 1982.
35. Ovtrinicop V. S. Thế giới quan là một hiện tượng của đời sống tinh thần xã hội, Leningrát 1978.
36. Vacilenko V. L. Thế giới quan khoa học và những vấn đề lý luận của nó trong chủ nghĩa xã hội, Mátxcova 1975.
37. Vacilenko V. L. vấn đề hình thành thế giới quan cộng sản chủ nghĩa, Minsk 1975.
38. Từ điển triết học. Nxb. Inphra, Mátxcova 1998.